



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Số 13

Ngày 01 tháng 02 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- | | | |
|--------------|---|----|
| 11-01-2011 - | Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ 5 năm 2011 - 2015. | 02 |
| 13-01-2011 - | Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND về ban hành Quy chế về quản lý hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa. | 49 |

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2011/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 11 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
huyện Cần Giờ 5 năm 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/QBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/QBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Hội nghị lần thứ 3) của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa X (nhiệm kỳ 2010 - 2015);

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ 5 năm 2011 - 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc huyện căn cứ nội dung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ 5 năm 2011 - 2015, tổ chức xây dựng kế hoạch 5 năm, chương trình, kế hoạch cụ thể hàng năm theo ngành, lĩnh vực phụ trách; đồng thời, theo dõi số liệu, báo cáo sơ kết 1 năm, 2 năm, giữa nhiệm kỳ và báo cáo tổng kết 5 năm cho Ủy ban nhân dân huyện theo đúng thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ 5 năm 2011 - 2015

*(Ban hành kèm Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN CẦN GIỜ 5 NĂM 2006 - 2010

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cần Giờ lần thứ IX, nhiệm kỳ 2005 - 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; trong 5 năm qua huyện Cần Giờ đi lên trong điều kiện vừa phải từng bước hạn chế những yếu kém về cơ sở hạ tầng, giải quyết đồng bộ các vấn đề xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, khắc phục những tồn tại thiếu sót trong quá trình quản lý, đồng thời vừa phải thực hiện các biện pháp cùng với thành phố và cả nước chặn đà suy giảm kinh tế, ổn định tăng trưởng và đảm bảo an sinh xã hội do cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu gây ra. Trong điều kiện đó, phát huy những thành quả đạt được trong nhiều năm qua, tận dụng thời cơ từ các yếu tố thuận lợi, sự nỗ lực của nhân dân và tinh thần đoàn kết, thống nhất, chủ động và sáng tạo của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện đã tạo động lực thúc đẩy thực hiện đạt kết quả các mục tiêu nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, tiếp tục tạo đà tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, giữ vững ổn định về chính trị và đảm bảo vững chắc về tiềm lực quốc phòng an ninh.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010:

1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu:

* Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất bình quân 5 năm qua đạt 12% (chỉ tiêu là 21%); trong đó:

- Thủy sản tăng bình quân 2% (chỉ tiêu là 10%).

- Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 4% (chỉ tiêu là 2%).
- Nông nghiệp tăng bình quân 8% (chỉ tiêu 0,26%).
- Xây dựng tăng bình quân 13% (chỉ tiêu trên 25%).
- Giao thông - Bưu điện tăng bình quân 28% (chỉ tiêu trên 24%).
- Thương mại - Dịch vụ tăng bình quân 21% (chỉ tiêu trên 30%).

* Thực hiện định hướng tăng trưởng và cơ cấu giá trị sản xuất các khu vực kinh tế tính theo giá cố định năm 1994, đến năm 2010:

- Khu vực I (thủy sản, nông - lâm nghiệp), tăng bình quân 2%, chiếm tỷ trọng 19,0% (chỉ tiêu tương ứng 9,7% và 19%).

- Khu vực II (công nghiệp, xây dựng), tăng bình quân 13%, chiếm tỷ trọng 59% (chỉ tiêu tương ứng 24,4% và 61%).

- Khu vực III (thương mại dịch vụ, giao thông - bưu điện), tăng bình quân 24%, chiếm tỷ trọng 22,0% (chỉ tiêu tương ứng 30,8% và 20%).

* Thực hiện định hướng cơ cấu tỉ trọng các ngành kinh tế tính theo giá trị tăng thêm đến năm 2010:

- Khu vực I (ngành nông nghiệp) chiếm 32%;
- Khu vực II (ngành công nghiệp, xây dựng) chiếm 37%;
- Khu vực III (ngành dịch vụ) chiếm 31%

* Thu nhập dân cư đến năm 2010 đạt 23 triệu/người/năm (chỉ tiêu 25 triệu).

* Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn 6 triệu), đạt dưới 1% vào năm 2010 (chỉ tiêu dưới 1%).

* Tỷ lệ hộ khá (chuẩn trên 20 triệu/người/năm) đạt 30% (chỉ tiêu từ 20-25%).

* Thực hiện hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học vào năm 2009, nâng mặt bằng học vấn dân cư lên lớp 8,5 (chỉ tiêu tương ứng là hoàn thành vào năm 2007, mặt bằng học vấn lớp 10 vào năm 2010).

* Giải quyết việc làm hàng năm cho 4.470 lượt lao động, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo (từ sơ cấp trở lên) chiếm 30% của lao động trong độ tuổi (chỉ tiêu tương ứng 3.200 lượt lao động và 35%).

* Tỷ lệ kiên cố hóa nhà ở dân cư đạt 60%, còn 5% nhà tạm bợ (chỉ tiêu tương ứng là trên 50% và cơ bản xóa nhà tạm bợ).

* Hoàn thành hệ thống đường giao thông nông thôn và cơ bản hoàn thành xây dựng thiết chế văn hóa xã, thị trấn (chỉ tiêu hoàn thành).

* Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 99% (chỉ tiêu 98%); tỷ lệ hộ dân sử dụng điện (các loại năng lượng điện) đạt 97% (chỉ tiêu này là 95%).

* Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,03% (chỉ tiêu từ 1,2 - 1,25%); tỷ lệ sinh con thứ 3 chiếm 7,34% (chỉ tiêu dưới 5%).

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cụ thể:

2.1. Về phát triển kinh tế: Tổng giá trị sản xuất (GCD.94) dự kiến sẽ đạt mức trên 3.754 tỷ đồng vào năm 2010, trong đó khu vực kinh tế nông nghiệp chiếm 22%, sản xuất công nghiệp - xây dựng chiếm 54% và sản xuất - kinh doanh dịch vụ chiếm 24%.

2.1.1. Về khu vực kinh tế nông nghiệp: Trong 5 năm qua, tập trung triển khai các giải pháp tiếp tục khuyến khích đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong điều kiện tình hình mới thời tiết khí hậu ngày càng diễn biến bất thường, môi trường sản xuất ngày càng phức tạp khó kiểm soát... đã có tác động không nhỏ đến nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

* **Về thủy sản:** tổng giá trị sản xuất (GCD 94) dự kiến sẽ đạt trên 768 tỷ đồng tương ứng với tổng sản lượng khai thác trên 33.000 tấn thủy hải sản các loại vào năm 2010; cơ cấu sản phẩm tôm các loại sẽ từ 20% của năm 2005 tăng lên 32% vào năm 2010 (chỉ tiêu phấn đấu là 30%), cơ cấu giá trị sản xuất của nghề nuôi trồng thủy sản sẽ từ 86% của năm 2005 tăng lên 88% vào năm 2010 (chỉ tiêu phấn đấu là 90%).

Trong 5 năm qua, năng lực đánh bắt ven bờ và xa bờ nhìn chung chưa có sự phát triển đáng kể mặc dù một số ngư dân có mạnh dạn đầu tư hoán cải phương tiện, bổ sung công cụ đánh bắt các loại hải sản có giá trị cao và dễ tiêu thụ hơn, giá cả nhiên liệu và vật tư đánh bắt tăng thường xuyên làm cho chi phí sản xuất tăng thường xuyên ảnh hưởng đến thu nhập của ngư dân; Năm 2008, trước tình hình giá nhiên liệu tăng cao đột biến, thông qua thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân của Chính phủ, ngư dân toàn huyện đã được Nhà nước hỗ trợ trên 15 tỷ đồng để duy trì và ổn định sản xuất và đời sống.

Nghề nuôi nghêu, nhiều năm qua liên tục gặp khó khăn do phần lớn ngư dân chưa thay đổi được thói quen sản xuất thích ứng với môi trường, thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp, thiệt hại sản xuất trong 5 năm qua của ngư dân là khá lớn, sản lượng khai thác hàng năm có xu hướng giảm dần, diện tích nuôi trồng ngày càng thu

hẹp, đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhiệm vụ phát triển ngành thủy sản huyện trong thời gian qua; từ giữa năm 2009, nguồn nghêu giống tự nhiên đã xuất hiện với trữ lượng khá lớn tại bãi biển Cần Thạnh - Long Hòa, dù còn trong quá trình nghiên cứu đánh giá, song đây là tín hiệu đáng mừng trong việc duy trì và phát triển nghề này trong tương lai.

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn do quá trình phát triển tự phát, thiếu điều kiện đảm bảo bền vững trước năm 2006 đã làm cho hiệu quả của nghề nuôi tôm sú trên địa bàn 04 xã nông nghiệp phía Bắc bị giảm sút, quy mô sản xuất bị thu hẹp; kể từ giữa năm 2008 đến nay, được phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, loài tôm chân trắng đã được đưa vào nuôi trồng tại địa bàn huyện, năm 2009 sản lượng đạt 3.430 tấn, dự kiến năm 2010 đạt gần 4.000 tấn, chiếm gần 50% sản lượng tôm sản xuất trong năm, hiệu quả mang lại từ nghề nuôi tôm chân trắng đang được nông dân quan tâm đầu tư phát triển. Tính đến nay, diện tích đất nông nghiệp đã chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản đạt trên 73% so với tổng diện tích có khả năng chuyển đổi theo quy định; hiện nay, diện tích đất đã chuyển đổi được đưa vào nuôi tôm là 6.397ha, trong đó có 3.353ha nuôi tôm sinh thái, còn lại là nuôi tôm luân canh (nuôi xen lúa, muối) 1.100ha và nuôi thâm canh 1.944ha. Bên cạnh việc duy trì và đầu tư phát triển sản phẩm nuôi trồng chủ lực là con tôm, trong thời gian qua, nông ngư dân và các ngành của huyện cũng tập trung triển khai các mô hình nhằm đa dạng hóa vật nuôi bổ sung đảm bảo khả năng thích ứng với quy mô lớn để tạo sản phẩm hàng hóa có nhu cầu tiêu thụ lớn, bước đầu nuôi thử nghiệm, từng bước mở rộng diện tích sản xuất một số loài thủy sản có triển vọng như: hàu, vẹm, cá kèo, cua, cá dứa...

*** Về sản xuất nông nghiệp:** thiên tai và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn ra thường xuyên đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp trong 5 năm qua; do ảnh hưởng cơn bão số 9 vào cuối năm 2006 và sau đó là xuất hiện sâu đục thân đã làm cho diện tích vườn cây ăn trái (chủ yếu là cây xoài) giảm trên 30%, năng suất bình quân trong 5 năm chỉ đạt trên dưới 5 tấn/ha; nhiều năm liền, dịch rầy nâu gây ra bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá trên cây lúa đã làm giảm năng suất sản lượng lúa bình quân từ 50 - 60% dẫn đến trong 02 vụ mùa 2007 - 2008, Nhà nước phải hỗ trợ nông dân bình quân 3 - 4 tỷ đồng/năm để tiêu hủy; Bên cạnh đó bệnh Cúm A (H5N1) trên gia cầm xuất hiện từ nhiều năm qua đến nay, người nuôi gia cầm, thủy cầm trên địa bàn huyện gần như không còn. Mặc dù vậy, nông dân trên địa bàn vẫn đang nỗ lực khôi phục lại vườn cây ăn trái vốn là sản phẩm nông nghiệp vào loại đặc sản của huyện Cần Giờ, với sự hỗ trợ của Nhà nước tiếp tục duy trì diện tích bình quân khoảng 800 ha/năm để sản xuất lúa trong điều kiện chưa tìm ra mô hình có hiệu

quả thay thế, tìm tòi thử nghiệm đưa một số vật nuôi mới vào sản xuất, bước đầu có hiệu quả và triển vọng phát triển như: nuôi chim yến lấy tổ, nuôi heo rừng lai, ba ba, giông, trồng hoa kiểng và các loại nấm...; nhờ vậy đã tạo ra giá trị sản xuất nông nghiệp tăng trưởng bình quân 8%/năm, trong đó chăn nuôi tăng bình quân 23%, một số mô hình kết hợp VAC, VAD được đầu tư thử nghiệm tại một số xã phía Bắc mặc dù chưa nhiều nhưng đang có chiều hướng tiên triển khả quan.

* **Về sản xuất diêm nghiệp:** trong 5 năm qua thời tiết và giá cả thất thường đã làm cho hiệu quả sản xuất nghề muối và đời sống diêm dân không ổn định. Diện tích sản xuất muối tăng từ 1.317ha vào năm 2005 lên trên 1.500ha năm 2010; sản lượng bình quân các năm đạt 69.000 tấn, năm đạt cao nhất gần 82.000 tấn (2007), năm thấp nhất trên 57.000 tấn (2008); giá muối biến động có biên độ chênh lệch rất lớn từ 220 - 300 - 350 đồng/kg vào 03 năm (2005, 2006, 2007), từ 1.200 - 1.400 đồng/kg vào 02 năm (2008, 2009) và năm 2010 là 650 đồng/kg; từ đó kéo theo thu nhập của diêm dân cũng thường xuyên biến động từ 54 đồng/kg muối sản xuất lên cao nhất là 707 đồng/kg (2009); Nhìn chung so với trước năm 2006, thu nhập từ nghề muối có xu hướng tăng dần, đời sống diêm dân an tâm hơn; tuy nhiên vụ muối năm 2010 mặc dù dự báo sản lượng sẽ đạt khá do thời tiết khá thuận lợi, song với giá muối hiện nay dao động mức 650 đồng/kg đang là nỗi lo của người sản xuất. Thực hiện chương trình nâng cao chất lượng nhằm tăng diện tích cạnh tranh của sản xuất muối hạt Cần Giờ, năm 2007 được sự tập huấn chuyển giao kỹ thuật từ các ngành của huyện và thành phố, diêm dân xã Lý Nhơn đã thí điểm đến nay đã mở rộng lên 85ha sản xuất muối theo mô hình kết tinh muối trên ruộng trải bạt, ngoài chất lượng đạt cao, năng suất tăng từ 30 - 50% so với mô hình sản xuất truyền thống, song diện tích phát triển còn chậm do chi phí đầu tư khá cao, trong khi giá muối sạch vẫn còn thấp. Hiện nay, ngoài cơ sở thu mua, chế biến muối hoạt động chưa ổn định của Công ty Cổ phần muối và Thương mại Cần Giờ, tại xã Lý Nhơn đã hình thành một tổ chức Hợp tác xã với gần 25 xã viên sản xuất - kinh doanh nghề muối, bước đầu hoạt động đúng hướng và có hiệu quả đang có triển vọng tạo ra hướng phát triển mới đối với nghề muối trên địa bàn huyện.

* **Về lâm nghiệp:** tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên rừng ngập mặn; thực hiện chuyển dự án đầu tư phát triển khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn sang dự án đầu tư cơ sở vật chất nâng cao chất lượng quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ Cần Giờ, triển khai có hiệu quả các Đề tài quy tập, khoanh nuôi, bảo tồn các chủng loài động thực vật đặc trưng của rừng ngập mặn, nghiên cứu triển khai thử nghiệm trồng rừng trên đất ruộng muối; thực hiện chủ

trương của Ủy ban nhân dân thành phố về thống nhất quản lý rừng phòng hộ về một đầu mối là Ban Quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ, thực hiện quản lý các hoạt động nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối dưới tán rừng theo quy chế do thành phố ban hành, thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trong cộng đồng về các giá trị kinh tế - xã hội, môi trường và tính đa dạng sinh học của Rừng ngập mặn Cần Giờ trong đời sống xã hội; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đến tham quan nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường học hỏi kinh nghiệm, đồng thời quảng bá giá trị của Rừng phòng hộ Cần Giờ, Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ ra bên ngoài nhằm góp phần nâng cao vị thế của địa phương và thành phố, hoàn thành đầu tư công trình Trung tâm Truyền thông và Giáo dục môi trường sinh thái Rừng ngập mặn Cần Giờ. Trong 5 năm qua đã tổ chức trồng mới trên 51ha và chăm sóc trên 330ha rừng trồng; đến nay Rừng ngập mặn Cần Giờ có tổng diện tích tự nhiên là 36.423,29ha, trong đó diện tích đất có rừng là 30.436,19ha, diện tích đất lâm nghiệp là 2.639,89ha, còn lại là đất khác. Công tác phối hợp quản lý, bảo vệ rừng giữa các địa bàn giáp ranh được duy trì thường xuyên và ngày càng hiệu quả, triển khai mô hình Tổ tự quản từ việc hình thành trên cơ sở nhóm hộ bảo vệ rừng, nhờ vậy đã góp phần giảm thiểu số vụ vi phạm về pháp luật bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn trong những năm gần đây. Thực hiện triển khai giai đoạn 1 lộ trình nâng mức tiền công khoán bảo vệ rừng từ 495.000 đồng/ha/năm lên trên 685.000 đồng/ha/năm kể từ năm 2010 nhằm mục tiêu nâng cao đời sống của tổ chức và người giữ rừng bên cạnh sự quan tâm bằng các chính sách hỗ trợ khác của xã hội tạo sự động viên để an tâm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ; xây dựng phương án và thường xuyên tổ chức diễn tập nhằm cảnh giác và chủ động đối phó kịp thời với nguy cơ cháy rừng cục bộ xảy ra trong phạm vi rừng phòng hộ.

*** Kết quả thực hiện các giải pháp quản lý và đầu tư phát triển nông nghiệp:** về công tác quy hoạch, cùng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố xây dựng quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp thành phố đến năm 2020, tầm nhìn 2025 trong đó có huyện Cần Giờ, lập quy hoạch điều chỉnh vùng sản xuất muối huyện Cần Giờ đến năm 2020, quy hoạch điều chỉnh vùng nuôi thủy sản và hệ thống công trình thủy lợi phục vụ vùng nuôi huyện đến năm 2020; quy hoạch vùng nuôi tôm thẻ chân trắng huyện Cần Giờ đến năm 2015 và 2020; triển khai chương trình đầu tư chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 và chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2012 tại xã Lý Nhơn. Đầu tư xây dựng 26 công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nuôi trồng thủy sản, nghề muối với tổng vốn đầu tư trên 35 tỷ đồng, hình thành khu thuần dưỡng giống thủy sản Rạch Lá, kêu

gọi đầu tư 02 Trại sản xuất giống tại địa bàn xã Long Hòa. Chương trình hỗ trợ lãi suất khuyến khích chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp của thành phố trong 5 năm qua đã thực hiện kinh phí hỗ trợ gần 30 tỷ đồng cho nông dân, trong đó tạo điều kiện sản xuất ổn định cho 02 nghề sản xuất chủ lực là nuôi tôm và sản xuất muối; bên cạnh đó các chương trình khuyến nông sử dụng vốn ngân sách của huyện và thành phố, hàng năm dành từ 300 - 500 triệu đồng để triển khai thí điểm, trình diễn nhằm thực hiện mục tiêu đa dạng hóa cây trồng vật nuôi trên địa bàn huyện.

2.1.2. Ngành sản xuất công nghiệp - xây dựng: dự kiến năm 2010, giá trị sản xuất toàn ngành đạt tổng mức 2.047 tỷ đồng (GCD 94) tăng trưởng bình quân 13%/năm và chiếm tỷ trọng gần 55% trên tổng giá trị sản xuất toàn huyện.

* **Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:** tuy chưa có điều kiện phát triển mạnh trong 5 năm qua; Song, cùng với việc đưa vào hoạt động Nhà máy May gia công Bình Khánh năng suất gần 250.000 đơn vị sản phẩm/năm, Nhà máy sản xuất nước sạch Tam Thôn Hiệp có công suất trên 5.000m³/ngày đêm, các cơ sở sản xuất sản phẩm truyền thống nước đá, hải sản chế biến tăng từ 2 - 2,5 lần so với năm 2005, đã tạo ra mức tăng trưởng bình quân 4%/năm (gấp đôi so với chỉ tiêu kế hoạch); sản phẩm chủ lực trong các năm qua là muối hạt, nước đá, nước ngọt, hàng may mặc và hải sản chế biến khô; Bên cạnh đó ngành phân phối điện năng cũng đã tăng đáng kể theo đà phát triển kinh tế - xã hội của huyện, mức điện năng tiêu thụ tăng bình quân từ 400 kwh/người/năm từ năm 2005 lên 483,5 kwh/người/năm vào năm 2010 (tăng bình quân gần 4%/năm). Năm 2010, thành phố bắt đầu xúc tiến đầu tư xây dựng Trung tâm Thủy sản tại Bình Khánh trên diện tích đất quy hoạch gần 100ha, dự báo khi dự án đi vào hoạt động, ngoài việc gia tăng giá trị sản xuất cho ngành công nghiệp huyện, sẽ thu hút nhiều việc làm mới và góp phần thúc đẩy ngành thủy sản huyện.

* **Về sản xuất xây dựng:** dự kiến năm 2010, tổng giá trị sản xuất (GCD 94) đạt mức 1.922 tỷ đồng, bằng 1,5 lần so với 2005, mức tăng trưởng bình quân đạt 13%/năm và chiếm giá trị tuyệt đối trong ngành công nghiệp xây dựng huyện, giá trị sản xuất từ lĩnh vực xây lắp là chủ yếu và tập trung thực hiện trên địa bàn huyện; hiện nay số doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực xây dựng tại huyện tăng lên trên 20 đơn vị bên cạnh các doanh nghiệp các nơi hoạt động trên địa bàn.

2.1.3. Hoạt động ngành dịch vụ: tổng mức doanh thu ngành dịch vụ dự kiến đến năm 2010 sẽ đạt mức 918 tỷ đồng (GCD 94) gấp 2,86 lần so với năm 2005 và mức tăng trưởng bình quân hàng năm 24%.

* **Về lĩnh vực thương mại dịch vụ:** tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hóa các loại hình kinh doanh đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn. Xu hướng phát triển ổn định và năm sau cao hơn năm trước, lĩnh vực kinh doanh dịch vụ có tốc độ tăng nhanh hơn so với thương mại và ngày càng khẳng định vị trí trong cơ cấu ngành hoặc cơ cấu kinh tế trong tương lai. So với năm 2005, các cơ sở dịch vụ lưu trú và kinh doanh nhà hàng phát triển thêm 20 đơn vị tập trung chủ yếu tại thị trấn Cần Thạnh và xã Long Hòa; hiện nay toàn huyện có 48 cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, trong đó có 02 Resort đạt tiêu chuẩn 3 sao; dự án đầu tư Khu đô thị du lịch lấn biển mặc dù đã tổ chức Lễ khởi công gần 03 năm nay, song chưa triển khai do gặp khó khăn về tài chính trong thời điểm diễn ra khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu; dự án xây dựng 02 chợ mới tại Cần Thạnh, Long Hòa và Siêu thị tại Trung tâm huyện đang xúc tiến đầu tư.

* **Về lĩnh vực vận tải và bưu chính viễn thông:** dự kiến đạt mức tăng trưởng bình quân 28%/năm. Trong 5 năm qua, nhờ hạ tầng và phương tiện giao thông trên địa bàn phát triển ngày càng tốt hơn, kinh tế - xã hội phát triển, lượng hàng hóa và hành khách vận chuyển tăng đáng kể, so với năm 2005 khối lượng hàng hóa luân chuyển tăng từ 2,2 lần và khối lượng luân chuyển hành khách tăng 2,6 lần (chủ yếu đường bộ); lĩnh vực bưu chính viễn thông phát triển khá nhanh trong thời gian gần đây, hiện nay có 07 doanh nghiệp hoạt động viễn thông trên địa bàn và 16 cơ sở kinh doanh dịch vụ Internet đã góp phần đa dạng các tiện ích cung cấp cho người dân, số máy điện thoại cố định đã phát triển lên đến 10.500 số và 1.100 số truy cập Internet.

2.2. Về tài chính - tín dụng ngân hàng:

* Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 27%/năm; chi ngân sách huyện tăng bình quân 4%/năm. Tuy tỷ lệ tăng thu ngân sách Nhà nước hàng năm khá cao, song mức tăng tuyệt đối thấp, do đó mức điều tiết để lại cân đối chi ngân sách huyện hàng năm, hầu như không đáng kể và huyện vẫn lệ thuộc gần như tuyệt đối vào nguồn thu từ trợ cấp ngân sách của thành phố; bằng các biện pháp tăng cường công tác điều hành ngân sách hàng năm, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm đi đôi với công tác kiểm tra tài chính thường xuyên, chi ngân sách huyện đảm bảo nhu cầu tối thiểu sự nghiệp kinh tế, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên phục vụ kịp thời yêu cầu công tác quản lý hành chính Nhà nước, đảm bảo an ninh quốc phòng huyện, xã, thị trấn.

* Trong 5 năm qua, mức tăng trưởng dư nợ tín dụng ngân hàng đạt mức bình quân từ 10 - 20%/năm, dự kiến dư nợ năm 2010 đạt mức 850 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu

giảm đến mức từ 1,5 - 2%, với mức dư nợ trên, hàng năm đáp ứng nhu cầu vay vốn phát triển kinh tế trên địa bàn khoảng từ 50 - 60%, trong 02 năm (2008 - 2009) là thời điểm khó khăn nhất của ngành ngân hàng, hệ thống ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn vừa phải nỗ lực huy động vốn đầu vào để đáp ứng nhu cầu vốn vay, vừa phải thực hiện các biện pháp góp phần cùng với Trung ương điều hành kinh tế vĩ mô nhằm mục tiêu ổn định tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

2.3. Về đầu tư: tổng mức đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt trên 6.700 tỷ đồng gấp 2,3 lần so với giai đoạn 5 năm 2001 - 2005, tăng bình quân hàng năm 13%; trong đó vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, Thành phố và Huyện 2.912 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 43%), vốn ngành dọc và huy động từ các thành phần kinh tế kể cả nhân dân 3.788 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 57%), theo tính chất sử dụng vốn đầu tư, thì đầu tư kết cấu hạ tầng chiếm 82% và đầu tư phát triển năng lực sản xuất - kinh doanh chiếm 18% trên tổng vốn đầu tư 5 năm.

Trong 5 năm qua, nguồn vốn ngân sách Nhà nước tập trung đầu tư các công trình trọng điểm theo chương trình đầu tư hạ tầng 5 năm của huyện, ưu tiên hàng đầu là các công trình về hạ tầng giao thông, cơ sở vật chất phục vụ phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, thiết chế văn hóa cơ sở, thủy lợi, phòng, chống lụt, bão và hoàn thành xây dựng trụ sở hành chính các xã, thị trấn. Trong 10 nhóm công trình trọng điểm của huyện, có 03 nhóm công trình đạt kế hoạch, gồm:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng công trình Nâng cấp, mở rộng đường Rừng Sác và các cầu trên tuyến đường Rừng Sác.

- Hoàn thành trong nhiệm kỳ công trình nâng cấp nhựa 03 tuyến đường vào Trung tâm 03 xã Lý Nhơn, An Thới Đông và Tam Thôn Hiệp.

- Hoàn thành công trình điện khí hóa và bê tông hóa giao thông nông thôn các xã, thị trấn.

Có 04 nhóm công trình đã thực hiện từng phần nhưng chưa đạt kế hoạch, gồm:

- Hoàn thành trong nhiệm kỳ công trình đường ống dẫn nước từ thành phố về huyện và hệ thống đường ống cấp 2 nối xã Bình Khánh, An Thới Đông, Lý Nhơn và Tam Thôn Hiệp.

- Khởi công mới công trình Khu đô thị lấn biển Cần Giò và Khu đô thị du lịch sinh thái biển Cần Thạnh - Long Hòa.

- Công trình xây dựng mới 5.000 căn nhà ở (đã thực hiện 3.686 căn).

- Công trình Quảng trường Rừng Sác, Khu di tích lịch sử Căn cứ Rừng Sác, Khu di tích lịch sử Gò Chùa, Khu di tích khảo cổ Giồng Cá Vồ.

Còn 03 nhóm công trình còn lại chưa thực hiện theo kế hoạch, gồm:

- Công trình đường dọc bờ biển Cần Thạnh, đường vành đai ven sông giai đoạn I.
- Công trình mở rộng Khu dân cư xã Thạnh An và xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị sinh thái Bình Khánh - An Thới Đông.
- Công trình cầu Bình Khánh.

2.4. Về quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị:

* **Về công tác quy hoạch:** dự kiến đến cuối năm 2010 sẽ hoàn thành công tác điều chỉnh quy hoạch chung về xây dựng của huyện đến năm 2020, tầm nhìn 2025, 35 đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 khu dân cư đô thị với tổng diện tích trên 5.791ha và 13 đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 điểm dân cư nông thôn với tổng diện tích 836ha; đồng thời với việc thực hiện công tác công bố quy hoạch, xây dựng Điều lệ quản lý quy hoạch theo quy định của Luật Xây dựng và tiến hành các bước kêu gọi đầu tư theo tiến độ quy hoạch xây dựng kết hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất từng kỳ và thực hiện đến năm 2020 và 2025. Song song đó, hoàn thành các đồ án quy hoạch các khu du lịch sinh thái nằm ngoài rừng phòng hộ.

* **Về phát triển đô thị - nông thôn:** phát triển hạ tầng giao thông luôn là nhiệm vụ hàng đầu nhằm khắc phục tình trạng yếu kém về chất lượng đô thị, nông thôn trong 5 năm qua, đến năm 2010 hoàn thành công trình nâng cấp, mở rộng đường Rừng Sác và hệ thống cầu kèm theo, cùng lúc các công trình nâng cấp nhựa đường Lý Nhơn, Tam Thôn Hiệp và An Thới Đông sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng, hệ thống giao thông nội trấn Cần Thạnh cũng đưa vào sử dụng, hệ thống giao thông nông thôn đã bê tông thêm 248,9km và xây mới 10 chiếc cầu, trong 5 năm huyện đã sử dụng ngân sách địa phương hơn 29 tỷ đồng để duy tu cầu đường, gia cố đê kè đảm bảo giao thông và kiến thiết thị chính. Tiếp tục phát triển thêm trên 46km lưới điện trung thế và hạ thế đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng cùng với việc đảm bảo an toàn về sử dụng điện trên địa bàn. Tình hình xây dựng nhà ở nhân dân trong 5 năm qua tăng khá nhanh và chất lượng lẫn kiến trúc ngày càng nâng lên rõ nét, có 3.686 căn nhà được xây mới làm cho bộ mặt đô thị, nông thôn ngày càng khởi sắc. Tuy vẫn còn thực hiện hình thức vận chuyển nước bằng đường thủy để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng nhân dân trên địa bàn, song hệ thống phân phối nước sạch đến hộ sử dụng tiếp tục được mở rộng, không để xảy ra tình trạng thiếu nước, nước không đảm bảo

chất lượng đến người tiêu dùng, mức sử dụng nước bình quân trên đầu người tăng từ 60 lít/ngày lên 133 lít/ngày, tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch tăng lên 99% vào năm 2010. Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm thông qua việc củng cố các Tổ thu gom rác dân lập các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ thu rác tại địa bàn khu dân cư, việc triển khai công tác thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường theo Quyết định số 88 của Ủy ban nhân dân thành phố bước đầu gắn trách nhiệm và quyền lợi giữa người thu gom rác và cộng đồng dân cư trên địa bàn; Bên cạnh đó, thông qua thực hiện các chủ đề về xây dựng nếp sống văn minh đô thị, các đợt ra quân tuyên truyền vận động và bằng các hành động thiết thực đã nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nhân dân và các tổ chức hoạt động sản xuất - kinh doanh trên địa bàn.

*** Về quản lý đất đai và trật tự xây dựng:** tập trung giải quyết các tồn tại, thiếu sót trong quản lý đất đai ở những thời điểm trước đây, tăng cường chỉ đạo các biện pháp tiếp tục tạo chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và tiếp tục triển khai công tác này đến giai đoạn 2015, tầm nhìn năm 2020; thực hiện công tác tổng kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010, hoàn thành công tác rà soát, xác lập quỹ đất công, điều tra hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2009, đến nay đã cơ bản hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từng bước đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất ở. Hoạt động thanh tra xây dựng trên địa bàn ngày càng phát huy hiệu quả, số vụ việc vi phạm pháp luật về xây dựng, đất đai... có xu hướng giảm dần, ý thức người dân đã được nâng lên.

2.5. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội:

2.5.1. Về Giáo dục và Đào tạo: tiếp tục được quan tâm đầu tư ngày càng toàn diện trong 5 năm qua tạo điều kiện cho sự nghiệp giáo dục trên địa bàn phát triển không ngừng về lượng lẫn về chất. Hiện nay, toàn huyện có 33 trường và 04 trung tâm, 492 lớp với trên 16.000 học sinh, ngành học mầm non trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo chiếm trên 96%, trẻ 6 tuổi vào lớp 01 đạt 100%, học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học ra lớp 6 đạt 98,6%, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở ra học lớp 10 đạt 96,42%. Chất lượng giáo dục và đào tạo trong từng năm được củng cố, giữ vững và có bước phát triển mới; ở bậc tiểu học học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, hiệu suất đào tạo đạt 92,2%, học sinh lên lớp thẳng đạt 99,2%, 100% đạt hạnh kiểm; ở bậc giáo dục trung học, kết quả tốt nghiệp đạt 98,25%, hiệu suất đào tạo đạt 86,1%. Đến nay, ngành giáo dục đã cơ bản khắc phục tình trạng thiếu giáo viên ở một số bộ môn chủ lực ở bậc trung học, 100% giáo viên và cán bộ quản lý ở

các bậc học đều đạt chuẩn theo quy định; thành quả nổi bật của ngành giáo dục trong 5 năm qua là giúp huyện hoàn thành chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục bậc trung học vào cuối năm 2009. Cũng trong 5 năm qua, ngân sách Nhà nước đã đầu tư hơn 185 tỷ đồng để xây mới, nâng cấp sửa chữa 10 cơ sở trường học và đầu tư trang thiết bị đồ dùng dạy học cho 35 trường ở đều các cấp học, hiện nay các xã, thị trấn đã thành lập Trung tâm học tập cộng đồng. Thành tích đạt được của ngành giáo dục đào tạo là kết quả bởi sự tập trung quan tâm của Đảng - Chính quyền và các tổ chức Đoàn thể các cấp, là sự kết hợp đồng bộ có hiệu quả của mối quan hệ vận hành cơ chế nhà trường - gia đình và xã hội, còn là sự đổi mới phương pháp giảng dạy trách nhiệm cao quý của đội ngũ thầy cô giáo, cán bộ quản lý và là sự chuyên cần, hiếu học của các em học sinh ngày nay.

2.5.2. Về lĩnh vực y tế: chất lượng khám và điều trị tại các cơ sở y tế từ huyện đến xã, thị trấn nhìn chung ngày được nâng lên, bình quân hàng năm có trên 210 ngàn lượt người đến các cơ sở y tế công lập của huyện khám và điều trị bệnh. Đến nay, toàn huyện có 6/7 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (trừ thị trấn Cần Thạnh), có 5,25 bác sĩ/10.000 dân; hiện nay ngoài cơ sở y tế công lập, toàn huyện có 39 cơ sở hành nghề y (trong đó có 24 cơ sở dược, 10 cơ sở hành nghề y và 05 cơ sở y học cổ truyền). Công tác thông tin, giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được các ban ngành, đoàn thể các cấp thường xuyên phối hợp thực hiện và được khá nhiều người dân quan tâm hưởng ứng, tuy nhiên hiệu quả chưa cao, thể hiện mặc dù tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên đạt thấp (1,03%), song chưa khống chế được tỷ lệ người sinh con thứ 3. Hoạt động của Trung tâm Y tế dự phòng ngày càng khởi sắc từ khi tách ra từ Trung tâm Y tế huyện; các chương trình mục tiêu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho bà mẹ và trẻ em đạt kết quả tốt, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm từ 11,3% năm 2005 còn khoảng 7% vào năm 2010, tỷ lệ tiêm chủng trẻ em đạt trên 97%, trẻ em uống Vitamin A đạt 98,7%; công tác phòng, chống dịch bệnh, dập dịch được triển khai tốt không để phát sinh và lây lan trong cộng đồng. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong thời gian gần đây được các ngành phối hợp kiểm tra thường xuyên, thông qua công tác kiểm tra, tuyên truyền giáo dục và xử lý kiên quyết đã bước đầu tạo ý thức cho người sản xuất kinh doanh lẫn người tiêu dùng trên địa bàn.

2.5.3. Về Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao: là địa bàn còn khó khăn nhiều mặt; song 5 năm qua hoạt động văn hóa thông tin - thể dục thể thao ngày càng phát triển về chiều rộng lẫn chiều sâu trong điều kiện đặc thù của huyện, nhiều hoạt động lễ hội đã được đầu tư nâng cấp về hình thức, nội dung diễn ra hàng năm đặc biệt trong các ngày lễ lớn đã mang lại không khí vui tươi, lành mạnh đáp ứng từng bước

nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần và rèn luyện thể chất cho người dân trong huyện. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư tiếp tục được triển khai ngày càng đi vào chiều sâu về chất lượng và hiệu quả ngày càng được đa số nhân dân đồng tình hưởng ứng có tác động tích cực đến các mặt của đời sống xã hội; hiện nay có 24/33 ấp, khu phố văn hóa (tăng 9 đơn vị so với năm 2005), 68 đơn vị đạt tiêu chuẩn công sở văn minh sạch đẹp - an toàn (tăng 40 đơn vị so với năm 2005), 44 đơn vị đạt chuẩn văn hóa (tăng 21 đơn vị), 544 gương người tốt việc tốt (tăng 487) và gần 81% gia đình đạt chuẩn văn hóa (tăng gần 4%). Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực được khách tham quan và đồng bào trong và ngoài huyện đến tìm hiểu, học tập và nghiên cứu; ngoài các di tích cấp quốc gia đã được công nhận, nay có thêm 02 di tích được công nhận cấp thành phố là Đình Cần Thạnh và Đình Dương Văn Hạnh (xã Lý Nhơn). Trong 5 năm qua, đã có thêm 03 Trung tâm cấp huyện, xã và 07 Nhà văn hóa - thể thao ấp, khu phố đã được đầu tư đưa vào hoạt động sẽ tạo điều kiện cho nhân dân có nơi sinh hoạt văn hóa vui chơi lành mạnh.

Phong trào thể dục thể thao trên địa bàn tiếp tục có chiều hướng phát triển, tỷ lệ người dân tham gia tập thể dục thường xuyên tăng từ 16% (năm 2005) lên 22% vào năm 2010, số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao tăng lên 3 lần so với năm 2005; thể thao thành tích tiếp tục khẳng định ở cấp thành phố và quốc gia ở các môn có thế mạnh truyền thống như: điền kinh, chạy việt dã...

2.6. Về giải quyết việc làm, giảm hộ nghèo và chính sách xã hội:

* **Về giải quyết việc làm và đào tạo nghề:** bằng các giải pháp phát triển kinh tế tại chỗ, xúc tiến việc làm, trong 5 năm qua bình quân hàng năm giải quyết việc làm mới và ổn định việc làm cho 4.470 lượt lao động, trong đó số lao động có việc làm ổn định ngày càng tăng; cũng trong 5 năm qua có trên 4.000 lao động được đào tạo nghề từ sơ cấp nghề trở lên (bình quân 950 lao động/năm). Nâng số lao động thông qua đào tạo nghề từ trên 11,5% năm 2005 lên 30% trên tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn huyện vào năm 2010.

* **Công tác xóa đói, giảm nghèo:** chương trình giảm hộ nghèo tăng hộ khá được Đảng bộ - Chính quyền và các cơ quan ban ngành huyện, xã, thị trấn tập trung chỉ đạo thông qua việc triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và giải pháp vận động tuyên truyền; những giải pháp đó đã mang lại kết quả tích cực trong việc thực hiện mục tiêu giảm hộ nghèo trong thời gian qua, đến cuối năm 2009 toàn huyện cơ bản không còn hộ nghèo chuẩn 6 triệu/nhân khẩu/năm; tiếp tục

thực hiện lộ trình giảm hộ nghèo chuẩn 12 triệu/nhân khẩu/năm (giai đoạn 3), dự kiến cuối năm 2010 giảm hộ nghèo giai đoạn 3 toàn huyện còn dưới 39%, tăng hộ có mức thu nhập khá (trên 20 triệu/nhân khẩu/năm) lên 30%.

* **Công tác chính sách xã hội:** chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người và gia đình có công cách mạng luôn là nghĩa vụ và trách nhiệm của Đảng bộ - Chính quyền và nhân dân huyện; Bên cạnh đó, chăm lo cho người nghèo cũng được sự quan tâm của toàn xã hội trong thời gian qua. Từ năm 2006 đến nay, toàn huyện đã vận động xây dựng 64 căn nhà tình nghĩa, sửa chữa 204 căn nhà và phát triển Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cho gia đình chính sách; xây dựng 640 căn nhà tình thương, 02 mái ấm tình thương, 09 ngôi nhà tình bạn; 10 ngôi nhà mơ ước cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giải quyết 28 xe lăn cho người tàn tật, bình quân hàng năm cấp trên 792 lượt bảo hiểm y tế cho người cao tuổi, người nghèo, người có công. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự chăm lo về vật chất lẫn tinh thần của toàn xã hội là nguồn động viên cho người và gia đình khó khăn có điều kiện vươn lên trong cuộc sống.

3. Quốc phòng an ninh:

Đảm bảo quốc phòng và giữ vững an ninh được xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu luôn được các Cấp ủy Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang quan tâm chú trọng đúng mức, thực hiện hoàn thành tốt công tác tuyên, giao quân hàng năm, tăng cường tổ chức huấn luyện lực lượng dân quân dự bị, thực hiện tốt công tác diễn tập phòng thủ, công tác phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn và tổ chức hội thao quốc phòng hàng năm, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phát động phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh tổ quốc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, của lực lượng bảo vệ trật tự trị an trong việc phòng, chống tội phạm trong thời kỳ mới. Với sự tập trung chỉ đạo của các Cấp ủy Đảng, chính quyền và biện pháp quyết liệt của ngành Công an đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động về phòng chống tội phạm, công tác quản lý địa bàn, đối tượng, nâng cao chất lượng công tác điều tra phá án góp phần ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh kiềm chế, kéo giảm tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Chương trình mục tiêu 3 giảm tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện trên địa bàn các xã, thị trấn: Trong 5 năm đã phát hiện xử lý 219 trường hợp tệ nạn xã hội đánh bạc (mua bán số đề, đá gà...), khởi tố 27 vụ với 97 đối tượng và 08 vụ tàng trữ trái phép chất ma túy; đã lập hồ sơ đưa 78 đối tượng vào cơ sở giáo dục, Trường Giáo dưỡng và cơ sở chữa bệnh theo Nghị định số 76 (45 đối tượng), Nghị

định số 142 (27 đối tượng), Nghị định số 135 (06 đối tượng) của Chính phủ và giáo dục tại địa phương theo Nghị định số 163 của Chính phủ là 190 đối tượng.

Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc thường xuyên thực hiện, nâng cao nhận thức của người dân trong việc tố giá tội phạm, cung cấp nhiều nguồn tin có giá trị giúp lực lượng Công an xử lý kịp thời nhiều vụ, đối tượng phạm pháp hình sự.

4. Công tác phòng, chống lụt, bão, phòng cháy chữa cháy:

Công tác phòng, chống lụt, bão: Được Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố, huyện quan tâm phối hợp chặt chẽ thông tin kịp thời diễn biến thời tiết, hàng năm xây dựng và tổ chức diễn tập phương án phòng chống, lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, sơ tán di dời dân để sẵn sàng ứng phó khi có bão. Trong 4 năm qua ngân sách đã đầu tư xây dựng 23 công trình và trang cấp nhiều thiết bị phòng, chống lụt, bão với tổng kinh phí trên 63,8 tỷ đồng, ngoài ra còn trích quỹ xã hội hỗ trợ thiệt hại cho các hộ gặp nạn để ổn định đời sống, sản xuất. Huyện đang triển khai thực hiện Đề án di dời khẩn cấp các hộ dân sinh sống ở khu vực có nguy cơ sạt lở tại các xã Bình Khánh, An Thới Đông.

Công tác phòng cháy chữa cháy được chú trọng, thông qua các biện pháp tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh đến với nhân dân, phát động Hội thi tìm hiểu công tác phòng cháy, chữa cháy nhằm nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị sản xuất kinh doanh, công nhân viên chức lao động và hưởng ứng thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy cũng như để chủ động phòng tránh. Thường xuyên tổ chức kiểm tra điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở sản xuất kinh doanh nằm xen kẽ trong khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ.

5. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính:

Công tác tổ chức, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên được cải tiến, chỉ đạo có tập trung, phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm từng chương trình, mục tiêu cụ thể, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để tăng cường quản lý Nhà nước trên nhiều lĩnh vực; Đã tổ chức sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố; Thường xuyên rà soát, bổ sung quy chế tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức kiện toàn và thành lập các Ban chỉ đạo. Thành lập Phòng Y tế, Thanh tra Xây dựng, Trường trung học cơ sở Đoi Lâu, các Trung tâm học tập cộng đồng, tách Bệnh viện và thành lập Trung tâm y tế

dự phòng, sáp nhập Trung tâm dịch vụ hành chính nhà đất vào Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất. Triển khai thí điểm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh An. Trong 4 năm qua đã điều động và bổ nhiệm 28 trường hợp, bổ nhiệm mới 58 trường hợp, bổ nhiệm lại 26 trường hợp, điều động 35 trường hợp, thôi việc 33 trường hợp. Tổ chức 04 lớp đào tạo dài hạn và 61 lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ, công chức tại huyện; Cử 428 cán bộ, công chức tham gia học tập chuyên môn nghiệp vụ tại thành phố (sau Đại học 12 trường hợp, Đại học 183 trường hợp, Cao đẳng trung cấp 233 trường hợp).

Nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính đã đạt được kết quả nhất định, có tiến bộ trên 4 lĩnh vực thể chế, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, tài chính công. Cải tiến quy trình thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, kinh doanh theo hướng rút ngắn thời gian, đảm bảo chất lượng giải quyết hồ sơ, hạn chế phiền hà cho tổ chức, công dân khi có nhu cầu liên hệ, tham gia giao dịch hành chính. Cơ chế hành chính “một cửa”, “một cửa liên thông” tại huyện, xã thị trấn tiếp tục được củng cố ngày càng hoàn thiện và mang lại hiệu quả thiết thực, thông qua việc ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trong quản lý và cung cấp dịch vụ hành chính đã từng bước nâng cao chất lượng phục vụ, giảm tỷ lệ hồ sơ đất đai tồn đọng so với trước đây. Đang triển khai giai đoạn 2 Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước (Đề án 30). Bình quân hàng năm giải quyết 10.038 hồ sơ /11.395 hồ sơ tiếp nhận chủ yếu hồ sơ đất đai, xây dựng, đăng ký kinh doanh, thế chấp..., (giải quyết đúng hạn 6.928 hồ sơ chủ yếu các hồ sơ đăng ký thế chấp, đào đường, chứng thực).

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo có nhiều tiến bộ, các thắc mắc, ý kiến phản ánh, khiếu nại tố cáo của công dân được kịp thời ghi nhận, giải thích và chỉ đạo giải quyết theo yêu cầu, đúng quy định, tạo được niềm tin trong nhân dân, bình quân hàng năm tổ chức tiếp 635 lượt công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, đạt 81,15%. Tình trạng khiếu nại mang tính chất tập thể, có tính gay gắt hoặc gây mất trật tự xã hội không còn xuất hiện, tình trạng khiếu nại kéo dài cũng thuyên giảm, bình quân hàng năm có 100% quyết định khiếu nại của Ủy ban nhân dân thành phố, huyện được thực hiện.

II. NHẬN XÉT - ĐÁNH GIÁ:

1. Những chuyển biến tích cực:

Với những tác động tích cực từ các chính sách phát triển nông nghiệp của Chính phủ và việc thực hiện có hiệu quả các Chương trình, công trình mục tiêu trọng điểm

của thành phố cùng với sự chủ động, phát huy nội lực tranh thủ thời cơ quyết tâm tạo sự chuyển biến về kinh tế - xã hội của Đảng bộ, chính quyền huyện. Trong 4 năm qua kinh tế của huyện tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá, dự kiến tăng trưởng bình quân thời kỳ 2006 - 2010 (12%) trong đó có ngành giao thông bưu điện và nông nghiệp với tốc độ tăng trưởng cao hơn mức tăng bình quân kế hoạch 5 năm (2006 - 2010) từ 3,2 - 7,7 %, đặc biệt ngành nông nghiệp đạt cao hơn thực hiện ở thời kỳ 2001 - 2005 là 19%. Điều này cho thấy chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tiếp tục có bước phát triển ổn định, diện tích đất nông nghiệp sản xuất lúa kém hiệu quả được nhanh chóng chuyển sang mô hình sản xuất có hiệu quả hơn, từng bước mở rộng loại hình, quy mô, chủng loài cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với môi trường, điều kiện tự nhiên theo định hướng phát triển nông nghiệp của huyện.

Chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư có nhiều thuận lợi do được sự quan tâm của Trung ương, Thành phố; các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng lần lượt được khởi công xây dựng hoàn chỉnh, tốc độ tăng khá nhanh, dự kiến mức tăng trưởng bình quân trong 5 năm qua 13%, đầu tư xây dựng phát triển sản xuất, huy động nguồn lực ngoài ngân sách ngày càng tăng, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tạo ra nhiều triển vọng khai thác có hiệu quả tiềm năng thiên nhiên ưu đãi và lợi thế của địa phương, thúc đẩy nhiều ngành kinh tế - xã hội phát triển.

Công tác quản lý, bảo vệ phát triển tài nguyên rừng thuộc khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn được tăng cường tạo môi trường cảnh quan thúc đẩy ngành du lịch sinh thái phát triển theo đúng định hướng. Quản lý đất đai, xây dựng được chấn chỉnh, có nhiều tiến bộ, lập lại trật tự đô thị, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng tạo cơ sở vật chất để giải quyết các vấn đề đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt những chuyển biến tích cực của nghiệp giáo dục - y tế - văn hóa ở huyện, giáo dục - đào tạo, dạy nghề phát triển, cơ sở vật chất được đầu tư theo hướng ngày càng hoàn thiện, nâng cao khả năng và đảm bảo điều kiện cần thiết phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe ban đầu, huy động nhiều nguồn lực kết hợp với các chính sách đảm bảo an sinh xã hội chăm lo cho người nghèo, đối tượng chính sách, thu nhập đời sống của dân cư tiếp tục tăng lên và theo xu hướng cải thiện nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi của nhân dân góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo ở huyện trong thời gian tới.

Chương trình phòng, chống tội phạm, chương trình mục tiêu 3 giảm tiếp tục

được đẩy mạnh và có kết quả tích cực, phạm pháp hình sự, tội phạm ma túy được kéo giảm, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng trật tự an toàn xã hội.

2. Những tồn tại, hạn chế:

Chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế còn thấp. Mặc dù kinh tế của huyện trong những năm qua đạt tốc độ tăng trưởng tương đối khá (bình quân hàng năm là 12%) nhưng vẫn còn thấp so với kế hoạch đề ra; các ngành kinh tế được xác định là chủ lực như thủy sản và du lịch sinh thái phát triển còn chậm; tiềm năng và nguồn lực phát triển của huyện còn lớn nhưng chưa được phát huy có hiệu quả; tài chính công còn lãng phí và quản lý chưa chặt chẽ; một số công trình xây dựng chất lượng còn thấp, tình trạng lãng phí và thất thoát trong xây dựng cơ bản chưa được khắc phục có hiệu quả.

Chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế còn chậm, tác dụng của các giải pháp, biện pháp hỗ trợ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và dịch vụ còn hạn chế. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn chủ yếu vẫn là sản xuất gia công, chế biến nhỏ lẻ có giá trị gia tăng thấp. Ngành dịch vụ tuy có tốc độ tăng trưởng tương đối khá, nhưng vẫn chưa phát huy hết lợi thế, tiềm năng kinh tế biển trên lĩnh vực du lịch sinh thái để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động ở địa phương.

Hạ tầng kỹ thuật và xã hội chưa đáp ứng so với yêu cầu phát triển kinh tế và cải thiện dân sinh. Một số chương trình và công trình trọng điểm về phát triển cơ sở hạ tầng do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX đề ra chưa được thực hiện như công trình Khu Di chỉ lịch sử Gò Chùa, Khu Di chỉ khảo cổ Giòng Cá Vồ, Đường Vành Đai ven sông (giai đoạn 1) nối liền 04 xã phía bắc, đường và phà Bình Khánh - Nhơn Trạch, Bến phà An Thới Đông - Hiệp Phước hoặc đang trong quá trình triển khai thực hiện như công trình Khu đô thị lấn biển Cần Giò, hệ thống cung cấp nước sạch huyện Cần Giò, sự triển khai chậm và thiếu đồng bộ các chương trình và công trình đã ảnh hưởng lớn đến mục tiêu phát triển kinh tế và cải thiện dân sinh. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư mặc dù có nhiều nỗ lực nhưng vẫn chưa được cải thiện đáng kể làm chậm tiến độ của nhiều dự án đầu tư.

Công tác quy hoạch, quản lý đô thị và đất đai còn nhiều bất cập. Việc tổ chức chỉ đạo, điều hành thực hiện quản lý Nhà nước về quy hoạch, quản lý quy hoạch xây dựng và quản lý đất đai mặc dù có nhiều chuyển biến tích cực trong thời gian gần đây nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động của bộ máy Nhà nước huyện, xã, thị trấn chưa đạt hiệu quả cao so với nhiệm vụ được giao, dẫn đến tình trạng đội ngũ cán bộ vừa thừa, vừa thiếu.

Trường đạt chuẩn quốc gia và trình độ học vấn bình quân của người dân đạt thấp so với kế hoạch; lao động chưa qua đào tạo, lao động thiếu việc làm ổn định còn nhiều; hoạt động văn hóa phục vụ nhu cầu giải trí còn nghèo nàn, chưa tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội; chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân chưa cao, đội ngũ y, bác sĩ còn thiếu (đạt 5,25 bác sĩ/10.000 dân, Nghị quyết 6,6 bác sĩ/10.000 dân), cơ sở vật chất, chưa đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng và tỷ lệ sinh con thứ ba còn cao; thu nhập của một bộ phận lớn dân cư còn thấp.

Công tác cải cách hành chính tuy đạt kết quả nhưng chất lượng chưa cao, tình trạng giải quyết hồ sơ, đặc biệt hồ sơ đất đai còn trễ hạn khá nhiều, gây bức xúc trong nhân dân, công tác khảo sát lấy ý kiến khách hàng về chất lượng phục vụ, cung cấp hành chính công còn mang tính hình thức, kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa được xác lập một cách tự giác.

3. Nguyên nhân:

3.1. Nguyên nhân đạt được: Những kết quả đạt được trong 5 năm qua tiếp tục khẳng định hướng phát triển toàn diện của huyện, kết quả đó xuất phát từ các nguyên nhân cơ bản như sau:

Đã huy động có hiệu quả nguồn lực từ chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, sự quan tâm hỗ trợ và chỉ đạo xuyên suốt của Trung ương, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và sự hỗ trợ tích cực, kịp thời có hiệu quả của các Sở, ngành thành phố trong việc giải quyết các kiến nghị, định hướng giải pháp thực hiện, cùng sự chia sẻ của toàn xã hội đã tạo điều kiện cho huyện Cần Giờ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết ổn định các vấn đề xã hội trên địa bàn.

Huyện luôn bám sát định hướng phát triển, mục tiêu tổng quát trong 5 năm qua để lãnh đạo triển khai đạt kết quả các chương trình, công trình trọng điểm nhằm thực hiện các chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm về tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Phát huy tiềm năng lợi thế về đất đai, môi trường sinh thái, kinh tế biển của địa phương và sự nỗ lực của nhân dân trên địa bàn trong lao động sản xuất.

Đạt được kết quả là do các cấp ủy luôn bám sát nhiệm vụ trọng tâm, những vấn đề có liên quan đến đời sống của người dân để lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết; tạo sự đoàn kết nhất trí trong toàn hệ thống chính trị, phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình.

3.2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém:

*** Nguyên nhân khách quan:**

Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường luôn là nguy cơ tiềm ẩn sự thiếu bền vững trong phát triển ổn định kinh tế trên địa bàn.

Đầu tư cơ sở hạ tầng còn lệ thuộc vào nguồn vốn phân bổ của thành phố, so với yêu cầu phát triển, ngoài nguồn lực đầu tư của xã hội, trong 5 năm qua đầu tư từ nguồn vốn ngân sách vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững huyện; và do thủ tục xây dựng thường xuyên thay đổi, trượt giá vật tư nên một số công trình chậm hoàn thành theo tiến độ.

Chính sách bồi thường của nhà nước từng thời điểm còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với yêu cầu của xã hội, gây khó khăn khâu thu hồi đất làm kéo dài thời gian thực hiện nhiều dự án lớn đầu tư vốn từ ngân sách nhà nước.

*** Nguyên nhân chủ quan:**

Chưa chủ động phát huy đúng mức tiềm năng và nguồn lực huy động vào mục tiêu tăng trưởng nhanh nền kinh tế, phát triển nhanh sự nghiệp xã hội và nâng cao mức sống nhân dân, bao gồm tiềm năng khai thác tại chỗ, nguồn lực hỗ trợ đầu tư của Thành phố và các thành phần kinh tế.

Chưa tập trung đúng mức vào việc thực hiện các giải pháp đột phá nhằm tạo ra cơ chế pháp lý, chính sách, thúc đẩy phát triển như: công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đầu tư hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tạo điều kiện thu hút đầu tư và phát triển xã hội.

Thiếu tập trung chỉ đạo đúng mức việc tổ chức triển khai các chương trình và công trình về phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội, nhất là công tác tổ chức điều hành thực hiện của các ngành, các cấp.

Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước tuy có nhiều tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển huyện, nhiều lĩnh vực như: quản lý về đất đai, trật tự xây dựng... còn yếu kém.

Chưa tập trung đổi mới hình thức phổ biến, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến nhân dân một cách sinh động, phong phú; một số chính sách của nhà nước chưa đi vào đời sống người dân dẫn đến một vài chỉ tiêu xã hội không đạt như tỷ lệ sinh con thứ ba, tỷ lệ lao động qua đào tạo...

Công tác tổ chức và cán bộ chưa theo kịp tình hình đổi mới. Trong công tác cán

bộ, chưa chủ động xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ hàng năm, nên còn bị động, cán bộ trẻ và cán bộ có trình độ trên đại học còn ít; thiếu cán bộ tâm huyết, có năng lực và kinh nghiệm đảm đương ở một số lĩnh vực quản lý then chốt trong bộ máy chính quyền từ huyện đến xã, thị trấn.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN CẦN GIỜ 5 NĂM 2011 - 2015

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Thời cơ, thuận lợi:

Những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế nhanh và bền vững, phát triển kinh tế vùng và liên vùng, chiến lược biển Việt Nam, phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn, xây dựng hệ thống chính trị... đang và sẽ tạo cơ hội cho huyện Cần Giờ cùng với Thành phố phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo vững chắc quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sự quan tâm của Trung ương và Thành phố đối với huyện Cần Giờ ngày càng sâu sắc hơn và toàn diện hơn, đây là điều kiện cho huyện tiếp tục phát huy và khai thác hiệu quả các thế mạnh, tiềm năng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh và bền vững.

Các đề án quy hoạch trung hạn, dài hạn có tính chất định hướng về tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và đồ án quy hoạch chung về xây dựng, sử dụng đất, các công trình trọng điểm về hạ tầng kinh tế kỹ thuật - xã hội hoàn thành vào năm 2010 sẽ tạo điều kiện để cho huyện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đầu tư, tăng trưởng kinh tế và thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội.

Truyền thống Anh hùng Lực lượng vũ trang và Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới là niềm tự hào, nguồn động viên tinh thần, ý chí quyết tâm đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Cần Giờ trong quá trình xây dựng và phát triển huyện.

2. Thách thức, khó khăn:

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của huyện được xây dựng trong bối cảnh thành phố và cả nước tập trung nhiều nỗ lực vượt qua những khó

khăn, thách thức do hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu sẽ tạo nên một lực cản không nhỏ cho huyện Cần Giờ trong việc xây dựng các giải pháp điều hành, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu và mục tiêu kế hoạch đề ra.

Nguy cơ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường đối với huyện Cần Giờ ngày càng biểu hiện rõ nét hơn, trước mắt và lâu dài sẽ là thách thức của nhiệm vụ xây dựng, thực hiện kế hoạch và định hướng chiến lược phát triển huyện trong tương lai.

Trình độ học vấn của người dân chưa cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, hộ nghèo còn nhiều cũng là một thách thức lớn đối với huyện.

Hiệu quả hoạt động, trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ trong hệ thống chính trị còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN CẦN GIỜ 5 NĂM 2011 - 2015:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục phát huy truyền thống Anh hùng cách mạng, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế theo hướng nhanh, bền vững; bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng ngập mặn, phát triển du lịch sinh thái, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế biển và xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện dân chủ, công bằng, văn minh; đẩy mạnh cải cách hành chính, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh.

2. Phương hướng phát triển:

2.1. Trong 5 năm tới, huyện Cần Giờ phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm ở mức cao hơn so với thực hiện giai đoạn 2006 - 2010. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế không chỉ chú trọng đến số lượng, mà đặt trọng tâm vào chất lượng của tăng trưởng và đảm bảo sự phát triển bền vững. Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với công bằng và tiến bộ xã hội, cải thiện môi trường sống, bố trí lại dân cư theo quy hoạch. Tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác thế mạnh về thủy sản và dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch lịch sử góp phần thúc đẩy và định hướng các ngành kinh tế khác cùng phát triển theo định hướng chiến lược kinh tế biển.

2.2. Hoàn thiện và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất huyện, xã, thị trấn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, quy hoạch xã nông thôn mới và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn; đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, xây dựng gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2.3. Khắc phục có hiệu quả những yếu kém trong công tác quản lý đất đai, đưa công tác quản lý đất đai ngày càng đi vào trật tự, kỷ cương, nền nếp. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, lấy mục tiêu bảo tồn và phát triển khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ để làm mục tiêu chung; xây dựng huyện Cần Giờ văn minh, hiện đại, có môi trường xanh, sạch, đẹp, là điểm đến du lịch hấp dẫn của mọi du khách.

2.4. Nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao; tạo bước chuyển mạnh mẽ trong các hoạt động sự nghiệp và nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ công. Thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2.5. Chăm lo giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội, đặc biệt chú trọng giải quyết tốt vấn đề lao động và việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Trùng tu, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa của địa phương; kết hợp hài hòa giữa văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại; xây dựng huyện Cần Giờ thành một điểm văn hóa lớn của thành phố.

2.6. An ninh - chính trị và trật tự - an toàn xã hội phải luôn luôn giữ vững ổn định và phải xem đây là tiền đề quyết định của sự phát triển bền vững.

2.7. Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, giữa các cơ quan đơn vị với nhau; tăng cường ủy quyền, phân cấp cho các phòng ban và các xã, thị trấn theo thẩm quyền nhằm tạo sự liên thông và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong quản lý hành chính Nhà nước.

III. CÁC CHỈ TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN CẦN GIỜ 5 NĂM 2011-2015:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu: 5 năm tới phấn đấu thực hiện đạt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng như sau:

1.1. Về kinh tế:

(1) Tổng giá trị sản xuất (GCD.94) tăng bình quân 13%/năm. Trong đó:

+ Thủy sản: tăng bình quân 8%/năm

+ Nông nghiệp: tăng bình quân 18%/năm

+ Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: tăng bình quân 4%/năm

+ Xây dựng: tăng bình quân 11%/năm

+ Giao thông - Bưu điện: tăng bình quân 20%/năm

+ Thương mại - Dịch vụ: tăng bình quân 20%/năm

(2) Định hướng tăng trưởng và cơ cấu giá trị tăng thêm các ngành kinh tế giai đoạn 2011 - 2015:

+ Khu vực I (thủy sản – nông - lâm nghiệp): tăng bình quân 10%/năm, chiếm tỷ trọng 29% vào năm 2015;

+ Khu vực II (công nghiệp - xây dựng): tăng bình quân 11%/năm, chiếm tỷ trọng 31% vào năm 2015;

+ Khu vực III (dịch vụ): tăng bình quân 20%/năm, chiếm tỷ trọng 40% vào năm 2015.

(3) Đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 14%/năm, tương ứng với tổng mức đầu tư 5 năm là 15.280 tỷ đồng.

(4) Thu nhập thực tế bình quân đầu người vào năm 2015 là 45 triệu đồng/người/năm (tăng hơn 1,9 lần so với năm 2010).

1.2. Về văn hóa - xã hội:

(1). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,0%.

(2). Mặt bằng học vấn dân cư vào năm 2015 đạt lớp 9 và tỷ lệ phổ cập bậc trung học trên 73%; Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia vào năm 2015 đạt 50%.

(3). Đạt tỷ lệ 6,6 bác sĩ trên 10.000 dân và 32 giường bệnh trên 10.000 dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn dưới 5%.

(4). Số lượt lao động được giải quyết việc làm hàng năm: 5.000 lượt lao động; tỷ

lệ lao động qua đào tạo, dạy nghề đến năm 2015 so với tổng lao động toàn xã hội đạt 45% (tăng gần 1,4 lần so với năm 2010).

(5) Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí 12 triệu/người/năm) vào năm 2015 giảm còn dưới 10%.

(6) Hàng năm 24/33 ấp, khu phố đạt chuẩn ấp, khu phố văn hóa; 3 xã đạt chuẩn xã văn hóa, 3 xã đạt xã nông thôn mới vào năm 2015.

1.3. Về đô thị và môi trường:

(1) Xây dựng mới 5.000 căn nhà ở trong 5 năm; tỷ lệ hộ dân có nhà ở kiên cố đạt 85% và tỷ lệ hộ dân có nhà vệ sinh hợp qui cách đạt trên 99% vào năm 2015.

(2). Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 100% và tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt trên 99% vào năm 2015.

2. Các nhiệm vụ cụ thể:

2.1. Về phát triển kinh tế: Phần đầu tổng giá trị sản xuất (GCD.94) tăng bình quân hàng năm là 13%. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tăng thêm các ngành kinh tế như sau: ngành nông nghiệp (khu vực I) tăng bình quân hàng năm 10%, ngành công nghiệp (khu vực II) tăng bình quân hàng năm 11% và ngành dịch vụ tăng bình quân hàng năm 20%.

Trên cơ sở tốc độ tăng trưởng các ngành kinh tế như trên, dự kiến cơ cấu kinh tế huyện giai đoạn 2011-2015 sẽ chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp và công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện đến năm 2015. Trong nội bộ các ngành kinh tế, tập trung chuyển dịch theo hướng phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao, hiệu quả kinh tế cao.

Cơ cấu kinh tế huyện Cần Giờ	Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế (Tính theo giá trị tăng thêm)		
	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2015
+ Nông nghiệp	32%	31%	29%
+ Công nghiệp	37%	27%	31%
+ Dịch vụ	31%	33%	40%
Tổng cộng	100%	100%	100%

2.1.1. Khu vực nông nghiệp:

Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân 10%/năm và chiếm tỷ trọng khoảng 29% trong cơ cấu tổng giá trị tăng thêm toàn huyện đến năm 2015, trong đó thủy sản vẫn được xác định là ngành kinh tế chủ lực, tập trung chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng khai thác và phát huy thế mạnh về thủy sản. Cụ thể:

2.1.1.1. Về sản xuất thủy sản: Song song với việc duy trì sản lượng đánh bắt, tập trung đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng sản lượng nuôi trồng thủy sản phần đầu tổng giá trị sản xuất thủy sản tăng bình quân khoảng 10%/năm, tương ứng với tổng sản lượng thủy sản khai thác tăng bình quân 9%/năm; đến năm 2015, sản phẩm tôm các loại chiếm từ 30% đến 40% trong cơ cấu sản lượng thủy sản.

Nuôi trồng thủy sản phần đầu giá trị sản xuất chiếm khoảng 90% tổng giá trị sản xuất của toàn ngành, trên cơ sở duy trì diện tích đất đã chuyển đổi nuôi trồng thủy sản hiện có, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế trên 1 đơn vị diện tích thông qua áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng. Tiếp tục duy trì nghề nuôi thủy sản theo hình thức quảng canh (đầm, đập) dưới tán rừng để khai thác giá trị từ nguồn tài nguyên thiên nhiên nhưng không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn và pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng của Nhà nước. Điều chỉnh quy hoạch vùng nuôi thủy sản, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng giao thông, thủy lợi khu nội đồng vùng chuyên canh, đầu tư hoàn chỉnh hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường, tiếp tục đầu tư để phát huy hiệu quả hoạt động của Trạm Kiểm dịch và môi trường nước An Nghĩa, tăng cường công tác thú y thủy sản, đảm bảo an toàn dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ chất lượng con giống, thức ăn. Khuyến khích nông dân áp dụng các mô hình đa dạng hoá các loài thủy sản nhưng phải đảm bảo con giống sạch, vùng nuôi phải đảm bảo an toàn dịch bệnh.

Khai thác tối đa diện tích đất sử dụng tại Khu thuần dưỡng giống thủy sản Rạch Lá (xã Bình Khánh), phát huy năng lực hoạt động các cơ sở sản xuất giống thủy sản tại xã Long Hòa. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư xây dựng Trung tâm sản xuất giống nước lợ, mặn tại Hào Võ thuộc xã Long Hòa với diện tích khoảng 80ha, đồng thời xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho các nhà đầu tư thuê đất lập Trại giống đảm bảo chất lượng đáp ứng đủ cho nhu cầu phát triển thủy sản khu vực phía Bắc lẫn phía Nam của huyện và xuất ra địa bàn. Hỗ trợ đầu tư, triển khai thí điểm nuôi thủy sản bằng lồng bè trên sông, tiến tới đánh giá hiệu quả của quy hoạch vùng nuôi, tương ứng với con nuôi phù hợp.

Về đánh bắt tập trung thực hiện có hiệu quả chương trình khai thác hải sản theo chiến lược kinh tế biển; cơ cấu lại lực lượng đánh bắt ven bờ theo hướng không

khuyến khích phát triển về số lượng, có chính sách hỗ trợ đầu tư nâng cấp, hoàn cải phương tiện phù hợp với ngư trường và hiệu quả khai thác. Xây dựng lộ trình và chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi phù hợp, đảm bảo tăng thu nhập, ổn định đời sống để hạn chế và đi đến chấm dứt các ngư cụ, phương tiện đánh bắt làm sát nguồn lợi thủy sản trong sông rạch và rừng phòng hộ Cần Giờ vào năm 2020.

Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá, xây dựng Trung tâm Thủy sản của thành phố tại huyện, hỗ trợ ngư dân trang bị thiết bị thông tin liên lạc, tăng cường đầu tư thiết bị, phương tiện cho công tác đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển khi có bão, hiện đại hóa các cơ sở chế biến hải sản truyền thống tăng số lượng, chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có thương hiệu hàng hóa trên thị trường.

2.1.1.2. Sản xuất nông nghiệp:

Nghiên cứu mô hình sản xuất thích hợp và hiệu quả để khuyến khích và hỗ trợ cho nông dân chuyển đổi đất trồng lúa, cây nông nghiệp kém hiệu quả. Đầu tư thâm canh diện tích đất trồng cây ăn trái đặc sản Cần Giờ theo tiêu chuẩn VIỆT - GAP, phát triển các loại hình du lịch sinh thái và phát triển sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu xây dựng đề án làng nghề cá ở xã Thạnh An, làng nghề muối ở xã Lý Nhơn và làng nghề nuôi chim yến ở xã Tam Thôn Hiệp.

Thực hiện và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ không khuyến khích chăn nuôi gia cầm theo chủ trương chung của thành phố. Xây dựng tiêu chí vùng nuôi an toàn có kiểm soát từ khâu nhập giống đến khâu xuất bán; thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (đường, điện hạ thế, nước sản xuất, hàng rào, xử lý chất thải...) để khuyến khích phát triển các trang trại, cơ sở chăn nuôi tập trung theo phương pháp công nghiệp, đảm bảo an toàn sinh học, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP. Triển khai và kết thúc thực hiện thí điểm Đề án nuôi chim yến trong nhà, tổng kết đánh giá hiệu quả, đề xuất xây dựng quy hoạch mở rộng vùng và làng nghề nuôi chim yến trên địa bàn huyện.

2.1.1.3. Lâm nghiệp: Quản lý, bảo vệ tốt toàn bộ diện tích rừng trên 30.440ha, hạn chế đến mức thấp nhất các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng và hệ sinh thái rừng ngập mặn (theo dõi chặt chẽ diễn biến tài nguyên rừng, phòng, chống cháy rừng, chuyển hóa phát triển rừng, trồng thêm diện tích bù trừ các công trình có khai thác rừng, quản lý các hoạt động sản xuất trong rừng, thống nhất quản lý của chủ rừng duy nhất trên toàn bộ diện tích rừng phòng hộ...). Xây dựng kế hoạch lộ trình trồng mới

rừng trên đất bãi bồi ven sông và bảo vệ chống sạt lở đất lâm nghiệp, đất có rừng và khu dân cư. Điều tra xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng tài nguyên, dân sinh kinh tế trong rừng phòng hộ, làm cơ sở cho công tác quản lý và phát triển kinh tế - văn hóa xã hội của rừng phòng hộ. Triển khai dự án xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý, phát triển rừng, trước mắt cho giai đoạn đến năm 2012 được thành phố phê duyệt. Tiếp tục kiến nghị cho phép thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ sinh thái đất ngập nước theo chủ trương của Chính phủ và Thành phố đối với rừng phòng hộ ngập nước Cần Giờ. Tiếp tục nâng mức tiền công nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng nhằm đảm bảo đời sống, thu nhập người giữ rừng vượt chuẩn nghèo của thành phố. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục ý thức cộng đồng về bảo vệ phát triển rừng, quảng bá hình ảnh tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, kinh tế - xã hội nhân văn về rừng ra bên ngoài; tích cực chủ động hội nhập vào các tổ chức quốc tế rừng ngập mặn, môi trường, đất có ngập nước... Phát triển dịch vụ du lịch từ khai thác cảnh quan, môi trường sinh thái rừng theo hướng hiện đại, bền vững phục vụ cho đời sống xã hội, góp phần phát triển kinh tế trên địa bàn.

2.1.1.4. Diêm nghiệp: Hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch vùng sản xuất muối chuyên canh theo hướng ổn định, duy trì diện tích khoảng 1.000ha; đầu tư, nâng cấp các đồng muối theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng phục vụ nghề muối như: hệ thống đê bao thủy lợi kết hợp giao thông, nạo vét kênh rạch tiêu thoát nước, vận chuyển muối, giao thông nội đồng, kho dự trữ và bảo quản muối; khuyến khích sản xuất muối sạch theo phương pháp kết tinh trên ruộng trải bạt, đến năm 2015 diện tích muối trải bạt chiếm khoảng 50% diện tích vùng sản xuất muối (khoảng 500ha); phát triển mô hình hợp tác xã muối tại 2 xã Lý Nhơn và Thạnh An, đồng thời xây dựng chính sách hỗ trợ ổn định về giá tiêu thụ sản phẩm đảm bảo đời sống diêm dân trong điều kiện thị trường muối bất ổn.

2.1.2. Khu vực công nghiệp:

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân 11%/năm và chiếm tỷ trọng khoảng 31% trong cơ cấu kinh tế của huyện giai đoạn 2011 - 2015; trong đó chủ yếu tập trung vào lĩnh vực xây dựng, chiếm tỷ trọng gần 93% trong giá trị sản xuất của khu vực công nghiệp.

2.1.2.1. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: Hạn chế phát triển công nghiệp gây ô nhiễm trên địa bàn huyện nhằm đảm bảo môi trường sinh thái. Đặt trọng tâm đầu tư xây dựng Trung tâm Thủy sản của thành phố tại xã Bình Khánh (quy mô khoảng 100ha); khuyến khích đầu tư nâng cấp các cơ sở chế biến thủy hải sản truyền

thống theo hướng hiện đại, đầu tư các cơ sở chế biến muối và sản phẩm từ muối; mở rộng mạng lưới cung các dịch vụ hậu cần, vật tư thiết bị phục vụ nông nghiệp; nghiên cứu đề xuất phát triển mở rộng Nhà máy nước sạch tại xã Tam Thôn Hiệp, đảm bảo chất lượng nước sạch khi cung cấp đến người tiêu dùng; duy trì hạn chế mở rộng các ngành công nghiệp phụ trợ, tiểu thủ công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường được bố trí xen cài trong các khu dân cư trên địa bàn huyện (quy mô khoảng 50ha) để giải quyết lao động việc làm của địa phương. Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất thành phố xây dựng các bến tàu du lịch phục vụ cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa và phát triển du lịch sinh thái trên địa bàn huyện Cần Giờ ở những vị trí thích hợp theo quy hoạch của thành phố. Phân đầu đạt mức tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất 4%/năm.

Tiếp tục cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới điện phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, trước hết tại các vùng đô thị hóa, vùng sản xuất tập trung, các khu dân cư mới. Phân đầu đến năm 2015, nâng chỉ số điện năng tiêu thụ bình quân đạt trên 540 kWh/người/năm.

2.1.2.2. Về xây dựng: Phát huy năng lực doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động xây dựng trên địa bàn. Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập mới đặt trụ sở chính tại huyện đáp ứng nhu cầu xây dựng và giải quyết việc làm cho 5 năm tới. Tăng cường quản lý Nhà nước về hoạt động xây dựng đảm bảo đúng pháp luật và nâng cao chất lượng công trình.

2.1.3. Khu vực dịch vụ:

Trong năm 5 tới, tập trung tạo bước đột phá về quy mô và cơ cấu phát triển ngành; phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân 20%/năm và chiếm tỷ trọng khoảng 40% trong cơ cấu kinh tế của huyện giai đoạn 2011 - 2015; tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng khai thác và phát huy thế mạnh về du lịch sinh thái, du lịch lịch sử phù hợp với vị trí, vai trò và tiềm năng của huyện. Cụ thể:

2.1.3.1. Về thương mại, dịch vụ: Phân đầu đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm là 30% và cơ cấu giá trị sản xuất chiếm khoảng 60%. Nâng cao năng lực cung ứng vật tư, nhiên liệu, thúc đẩy lưu thông sản phẩm hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng; đồng thời tạo cơ chế, chính sách để mở rộng thu hút các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại và kinh doanh dịch vụ. Tập trung phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tại các khu đô thị hóa và các điểm kinh doanh dịch vụ ở nông thôn theo quy hoạch; trước mắt đến 2011 xây dựng

thương hiệu một số đặc sản đặc trưng của Cần Giờ (như: khô cá dứa, xoài, mần cầu, sản phẩm tổ yến...) và các trung tâm, khu vực mua sắm để phục vụ cho khách du lịch trong nước và quốc tế. Khuyến khích phát triển dịch vụ vận tải đường thủy, đường bộ và dịch vụ du lịch đường sông để khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về sông nước tự nhiên và các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư.

Phát triển các dự án đầu tư du lịch sinh thái theo quy hoạch đã được duyệt, trong đó chú trọng phát triển du lịch sinh thái rừng, sinh thái nông nghiệp và sinh thái biển trên cơ sở thu hút đầu tư từ các nguồn lực bên ngoài. Phấn đấu đến cuối năm 2014, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng khung các khu dân cư - du lịch - nhà vườn ven biển Cần Thạnh - Long Hòa, mời gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư theo quy hoạch. Bên cạnh đó, chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ du lịch (cầu, đường, cảng sông, cảng biển...); tiếp tục nghiên cứu và đề xuất việc xây dựng phà biển (Cần Thạnh - Vũng Tàu) tạo thành hệ thống giao thông kết nối với vùng phát triển du lịch và phục vụ nhu cầu đi lại.

Khuyến khích phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch; đầu tư phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch tại các xã An Thới Đông, Lý Nhơn và Thạnh An; đầu tư các khu, điểm cung cấp dịch vụ du lịch trong rừng phòng hộ (tham quan du thuyền, dịch vụ câu cá, tham quan, nghỉ dưỡng trong rừng phòng hộ...); khuyến khích đầu tư các khu vui chơi, giải trí, khu du lịch sinh thái biển và sinh thái nông nghiệp - nhà vườn dọc tuyến ven biển Cần Thạnh - Long Hòa; phấn đấu lượng khách du lịch tăng trưởng bình quân 25%/năm.

2.1.3.2. Về giao thông vận tải - buru chính viễn thông:

Phấn đấu đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm là 28%. Tập trung đầu tư để tạo sự đột phá trong phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện, phấn đấu đến năm 2011 hoàn thành dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp tuyến đường Rừng Sác, các tuyến đường nhánh nối các xã Tam Thôn Hiệp, An Thới Đông và Lý Nhơn; đến năm 2015, tuyến đường song hành; hoàn thành tuyến đường Lâm Viên - Đồng Đình và bến phà du lịch, đường Lương Văn Nho (giai đoạn 2), công trình đường ống dẫn nước sạch Nhà Bè - Cần Giờ và đường ống nhánh kết nối đến trung tâm các xã Bình Khánh, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp và Lý Nhơn. Theo dự báo, khối lượng hàng hóa, hành khách vận chuyển và luân chuyển sẽ tăng cao trong 5 năm tới, do đó tập trung nâng cao chất lượng hoạt động các phương tiện vận tải hành khách tuyến Bình Khánh - Cần Thạnh, tuyến phà Nhà Bè - Bình Khánh và các tuyến đò khách từ huyện đi các địa phương giáp ranh; đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế

đầu tư phát triển loại xe buýt chất lượng cao tuyến từ Bến Thành - Cần Thạnh nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa ngày càng cao của người dân và khách du lịch trên địa bàn.

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các dịch vụ bưu chính viễn thông, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư hạ tầng và khai thác hạ tầng mạng viễn thông đã được đầu tư; nâng cao chất lượng các bưu cục văn hóa xã, mở rộng vùng phủ sóng điện thoại di động, khuyến khích học và sử dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị và các trường học trên địa bàn huyện; góp phần tăng nhanh giá trị của khu vực dịch vụ trong định hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế của huyện đến năm 2015 và những năm tiếp theo.

2.1.4. Về ngân sách và tín dụng:

Tăng cường hiệu quả điều hành ngân sách ở các cấp. Thực hiện các biện pháp tích cực để huy động đúng, đủ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn góp phần nhằm tăng thu ngân sách hàng năm. Tích cực động viên nguồn thu từ khai thác quỹ đất thông qua các dự án mời gọi đầu tư tạo nguồn vốn cho kế hoạch phát triển. Đảm bảo cân đối thu-chi, dự phòng ngân sách và tiết kiệm hàng năm. Phấn đấu trong 5 năm tới, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng gấp 2,5 lần so với giai đoạn năm 2006 - 2010, thu, chi ngân sách địa phương tăng bình quân hàng năm 17% và thu vượt dự toán ngân sách cấp thêm giao hàng năm.

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các Ngân hàng thương mại triển khai chương trình tín dụng ngắn, trung hạn và dài hạn nhằm đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển ngành nghề, xây dựng nhà ở, giải quyết việc làm tại chỗ. Tiếp tục phát triển các quỹ hỗ trợ tín dụng cho nông dân, công nhân, lao động có thu nhập thấp và dân nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập.

2.1.5. Về đầu tư xây dựng cơ bản và phát triển: Phấn đấu tổng mức đầu tư toàn xã hội 5 năm 2011 - 2015 đạt mức khoảng 15.280 tỷ đồng, tương ứng với tốc độ tăng trưởng bình quân 14%/năm (trong đó, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chiếm 83%, đầu tư ngân sách Nhà nước chiếm 45%) trên cơ sở khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn huyện.

Trong 5 năm tới, tập trung các nguồn lực đầu tư thực hiện các công trình trọng điểm sau đây:

*** Về đầu tư kết cấu hạ tầng:**

+ Về giao thông: Tập trung đầu tư hoàn thành các công trình giao thông trọng điểm như công trình tuyến đường Lâm Viên - Đồng Đình, bến phà du lịch, tuyến đường Lương Văn Nho (giai đoạn 2) và đường song hành; công trình đường ống dẫn nước sạch Nhà Bè - Cần Giờ và đường ống nhánh kết nối đến trung tâm các xã Bình Khánh, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp và Lý Nhơn. Đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng khung Khu đô thị du lịch ven biển Cần Thạnh - Long Hòa và Khu du lịch sinh thái biển Cần Thạnh; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Khu đô thị lấn biển Cần Giờ (quy mô 600ha); đồng thời, kiến nghị thành phố triển khai khởi công đầu tư xây dựng cầu Bình Khánh trong giai đoạn 2011 - 2015.

+ Về văn hóa - xã hội: đảm bảo cơ sở vật chất cho ngành giáo dục-đào tạo và ngành y tế đạt chuẩn để thực hiện nhiệm vụ đến năm 2015 và những năm tiếp theo. Tập trung đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng công trình xây dựng mới Bệnh viện Cần Giờ (qui mô 200 giường); công trình Quảng trường Rừng Sác (giai đoạn 2), Khu Di tích lịch sử Rừng Sác và Khu di chỉ khảo cổ Giồng Cá Vồ. Đồng thời, tôn tạo các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng dân gian có giá trị về mặt văn hóa, lịch sử phục vụ nghiên cứu, tham quan và du lịch.

+ Về thủy lợi: Tập trung đầu tư các công trình thủy lợi và hệ thống xử lý nước thải phục vụ nuôi trồng thủy sản ở các xã phía Bắc; công trình củng cố, nâng cấp đê biển hiện có và đầu tư xây dựng mới đê biển dọc tuyến Cần Thạnh, Long Hoà (khoảng 20km); kè đá chống xói lở các khu dân cư ở các xã, thị trấn và các công trình phòng, chống lụt, bão theo quy hoạch

+ Về đầu tư xã nông thôn mới: Tập trung đầu tư hoàn thành, đạt chuẩn xã nông thôn mới tại Lý Nhơn.

+ Về phát triển các khu dân cư mới: đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các khu dân cư tập trung tại các xã, thị trấn trên địa bàn nhằm phục vụ công tác di dời dân cư sống ven sông, ven biển, vùng trũng thấp và chương trình nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp và nhu cầu của cán bộ, công chức trên địa bàn; đồng thời tạo lập quỹ đất dự trữ cho những năm tiếp theo.

*** Đầu tư phát triển năng lực sản xuất - kinh doanh:** Đầu tư phát triển mạng lưới chợ tại các xã, thị trấn; các siêu thị và trung tâm thương mại tại xã Long Hòa; các điểm du lịch sinh thái rừng, sinh thái biển và sinh thái nông nghiệp - nhà vườn trong khu bảo tồn và khu ven biển Cần Thạnh - Long Hòa; các dự án phát triển mạng lưới điện, hạ tầng bưu chính - viễn thông, cấp thoát nước và các bến tàu phục vụ phát triển du lịch đường sông...

2.2. Về quản lý, phát triển đô thị và bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái:

2.2.1. Quản lý, phát triển đô thị:

Tiếp tục chỉnh trang đô thị hiện hữu và mở rộng các khu dân cư đô thị nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng huyện Cần Giờ đáp ứng với quy mô dân số 120.000 người vào năm 2020, với cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội văn minh hiện đại, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế và cải thiện dân sinh.

Chậm nhất đến năm 2011 hoàn thành và công bố toàn bộ các quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/2000) đối với các khu dân cư hiện hữu và khu dân cư mới để thực hiện quản lý và khai thác quỹ đất có hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch xây dựng. Kiên quyết xử lý nghiêm những vi phạm trong quản lý đất đai và xây dựng; hạn chế thấp nhất tình trạng đầu cơ đất trong các dự án nhà ở, xây dựng không phép, trái phép, lấn chiếm sông rạch. Thiết lập nề nếp, trật tự, kỷ cương trong quy hoạch và quản lý xây dựng sau quy hoạch.

Đẩy nhanh đầu tư hạ tầng thúc đẩy tiến trình đô thị hóa các khu vực trung tâm, phát triển các khu dân cư đô thị và khu dân cư nông thôn theo quy hoạch đi đôi với đảm bảo các yếu tố về môi trường và cải thiện, nâng cao mức sống, việc làm cho người dân, qua đó đáp ứng nhu cầu nhà ở cho dân cư tại chỗ và tăng quy mô dân số cơ học trong quá trình phát triển. Phấn đấu đến năm 2015, xây dựng mới 5.000 căn nhà ở, sửa chữa - nâng cấp 3.000 căn nhà nhằm thực hiện chỉ tiêu kiên cố hóa 85% nhà ở dân cư, với diện tích nhà ở bình quân là 60 - 80 m²/người, không còn nhà ở tạm bợ và trên 99% hộ dân có nhà vệ sinh hợp quy cách.

Tập trung đầu tư phát triển hệ thống cấp nước sạch, đảm bảo đến năm 2015 huyện Cần Giờ được cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất kinh doanh theo tiêu chuẩn của thành phố về chất lượng, số lượng và chi phí.

2.2.2. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái:

Tăng cường công tác quản lý đất đai, đưa công tác quản lý đất đai vào nề nếp, khoa học và xác lập quỹ đất cần thiết để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển của huyện đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; tiến hành lập và hoàn thành quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 - 2015 của huyện và các xã, thị trấn; tổ chức quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất theo quy hoạch; quản lý và thực hiện tốt công tác thu hồi đất theo kỳ quy hoạch, theo dự án và các trường hợp vi phạm theo quy định của Luật Đất đai. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định 88 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; phấn đấu đến năm 2015, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đạt từ 90% - 95% và đất ở đạt 100% (theo nhu cầu).

Nghiên cứu đề xuất chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép quy hoạch về môi trường vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện và bền vững của huyện trong tương lai; nghiên cứu xây dựng bãi rác mới theo đúng quy trình công nghệ xử lý rác thải phù hợp với đặc thù địa phương và cải tạo lại các bãi rác cũ để nâng cao công năng và quản lý tốt tình hình rác thải trên địa bàn trong quá trình phát triển. Khắc phục và ngăn chặn có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp tại các khu dân cư; phấn đấu đến năm 2015, 100% chất thải rắn được thu gom, xử lý, không còn tình trạng ngập úng và ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư. Phối hợp với các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước để xây dựng những đề tài liên quan đến việc bảo vệ, phát triển và khai thác hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng của huyện một cách bền vững.

2.3. Về phát triển văn hóa - xã hội và chăm lo đời sống:

2.3.1. Giáo dục và đào tạo:

Nâng cao hiệu quả thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; tăng cường phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và hoạt động phối hợp của các đoàn thể xã hội với nhà trường để đẩy mạnh huy động học sinh ra lớp hàng năm và duy trì kết quả phổ cập bậc trung học, phấn đấu nâng tỷ lệ phổ cập bậc trung học lên trên 73% vào năm 2015; hàng năm huy động trẻ hoàn thành chương trình tiểu học ra lớp 6, tốt nghiệp trung học cơ sở ra lớp 10 và lớp 10 bổ túc, tốt nghiệp Trung học nghề, Trung cấp chuyên nghiệp đạt 100%.

Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tích cực chủ động học tập của bản thân học sinh, chú trọng hình thức dạy học cá thể hóa, giáo viên tự chịu trách nhiệm, điều chỉnh nội dung giảng dạy cho phù hợp với từng đối tượng học sinh để tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu suất đào tạo ở các bậc học, phấn đấu tăng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông bình quân 1%/năm và duy trì 99% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, nâng mặt bằng học vấn dân cư lên lớp 9 vào năm 2015.

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy, học tập và

quản lý giáo dục, đẩy mạnh phổ cập tin học, ngoại ngữ cho học sinh phổ thông. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên và Trung tâm học tập cộng đồng để thu hút rộng rãi đối tượng phổ cập học tập; Tiếp tục tăng cường nề nếp, kỷ cương trong quản lý trường lớp, kết hợp giáo dục văn hóa với giáo dục đạo đức, nhân cách với thể chất cho học sinh, kiên quyết ngăn chặn có hiệu quả hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

Tập trung huy động mọi nguồn lực trong và ngoài địa bàn nhằm đảm bảo điều kiện chăm lo, hỗ trợ cho các đối tượng học sinh nghèo, ở những xã xa đi lại khó khăn, diện chính sách để khuyến khích, đảm bảo duy trì học tập cho các em, hạ thấp tỷ lệ bỏ học đối với học sinh cấp 2 và 3 đến năm 2015 còn dưới 2%. Hàng năm có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và lý luận chính trị nâng chuẩn cán bộ quản lý và giáo viên các cấp, nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ giáo viên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển giáo dục trong 5 năm tới; tiếp tục thực hiện các chế độ chính sách thu hút các nguồn lực giáo viên, chọn lọc, xem xét chiều hướng phát triển để vận động về công tác lâu dài tại huyện.

Trên cơ sở quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp đến năm 2020 được phê duyệt, tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2015 toàn huyện có 50% Trường đạt chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, tăng cường hợp tác, khuyến khích liên kết đào tạo giữa các trường trong thành phố để phát triển các loại hình đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển của huyện trong những năm tiếp theo.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề cho thanh niên, xây dựng chương trình giảng dạy đảm bảo phù hợp với trình độ của từng đối tượng và yêu cầu của thị trường lao động trong 5 năm tới. Tăng cường phối hợp, liên kết đào tạo với các Trường trong thành phố để đào tạo nghề cho thanh niên địa phương. Đầu tư xây dựng, nâng cấp hoàn chỉnh Trung tâm dạy nghề, cùng với bổ sung trang thiết bị hàng năm để đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo nghề “vừa học, vừa làm” cho thanh niên, đáp ứng nhu cầu giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

2.3.2. Y tế:

Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực dân số gắn với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình; phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm sinh và giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên xuống dưới 5% vào năm 2015.

Hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới y tế đến năm 2020. Triển khai xây dựng hoàn

chính Bệnh viện Cần Giờ và Phòng Khám đa khoa An Nghĩa. Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tăng cường đầu tư từ ngân sách và xã hội hóa để đầu tư phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và mở rộng các dịch vụ điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe theo nhu cầu của người dân. Đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch bệnh, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt chăm sóc sức khỏe trẻ em và phụ nữ, kéo giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn dưới 5%, tỷ lệ tiêm chủng trẻ em hàng năm đạt 97% vào năm 2015.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ và mở rộng hoạt động đào tạo cán bộ y tế cơ sở, nâng cao y đức cán bộ y tế. Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi để thu hút nguồn lực y bác sĩ về công tác phục vụ lâu dài tại Bệnh viện và hệ thống các cơ sở y tế của huyện. củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở theo chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2015, tất cả các xã, thị trấn của huyện đều đạt chuẩn Quốc gia về y tế và nâng số bác sĩ bình quân trên 10.000 dân từ 5,25 bác sĩ lên 6,6 bác sĩ. Tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động khám chữa bệnh tư nhân và thị trường kinh doanh thuốc chữa bệnh trên địa bàn. Nâng cao hoạt động của Trung tâm Y tế dự phòng, Phòng Y tế trong việc kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, chế biến và tăng cường các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát dịch bệnh, phòng chống nhiễm HIV...

2.3.3. Văn hóa thông tin - thể dục thể thao:

Phát triển sâu rộng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” kết hợp với chủ đề thực hiện nếp sống văn minh mỹ quan đô thị; tăng cường đầu tư phát triển các loại hình văn hóa, dịch vụ, giải trí lành mạnh ở nông thôn, giảm dần sự cách biệt về mức hưởng thụ văn hóa của người dân ở huyện so với người dân thành phố. Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục các giá trị đạo đức, lối sống lành mạnh trong gia đình, phấn đấu đến năm 2015 có 83% hộ gia đình văn hóa, trên 24/33 ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa và 3/7 xã, thị trấn đạt chuẩn xã, thị trấn văn hóa và 100% cơ quan nhà nước được công nhận “công sở văn minh, sạch đẹp”.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hệ thống phát thanh, truyền thanh, Tờ tin nhằm tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng, giá trị văn hóa dân tộc trong nhân dân. Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn chỉnh Khu di tích Giồng Cá Vồ, Quảng trường Rừng Sác và tôn tạo các cơ sở tín ngưỡng dân gian có giá trị về mặt văn hóa, lịch sử khảo cổ trên địa bàn huyện nhằm bảo tồn di sản văn

hóa truyền thống địa phương góp phần phục vụ nghiên cứu, tham quan, du lịch theo mục tiêu phát triển của huyện.

Phát triển mạnh mẽ thể dục thể thao quần chúng, phấn đấu đến năm 2015 toàn huyện có 26% số dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. Tiếp tục triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thể dục, thể thao thông qua các chính sách ưu đãi khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển đa dạng loại hình, tạo sân chơi lành mạnh cho thanh thiếu niên và phát triển các đội nhóm thể thao ở cơ sở.

2.3.4. Lao động, việc làm và chăm lo đời sống:

Cùng với quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm hộ nghèo là tăng cường công tác giải quyết việc làm, phấn đấu tạo ra nhiều việc làm mới nhằm giảm tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn còn 2% vào năm 2015. Thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ du lịch và các chính sách để khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế gia đình phù hợp với ngành nghề và hướng phát triển của địa phương để giải quyết việc làm tại chỗ; phát triển thị trường lao động, duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu Quốc gia về giải quyết việc làm. Phấn đấu hàng năm giải quyết việc làm cho 5.000 lượt lao động, đến cuối năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 45%.

Tập trung các giải pháp đẩy mạnh cho vay vốn từ các nguồn vốn ưu đãi của quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ quốc gia giải quyết việc làm, ngân hàng chính sách xã hội và các nguồn quỹ tín dụng của các đoàn thể để hộ nghèo có điều kiện đầu tư, phát triển mở rộng quy mô sản xuất, giải quyết đầu ra ổn định cho sản phẩm sản xuất dịch vụ của người nghèo, đảm bảo nguồn thu nhập, đây là chìa khóa góp phần tiếp tục thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm hộ nghèo (theo tiêu chí mới của thành phố), tăng hộ khá theo hướng bền vững và lâu dài. Phấn đấu đến năm 2015, giảm hộ nghèo theo tiêu chí 12 triệu/người/năm xuống còn dưới 10%, tỷ lệ hộ khá thu nhập bình quân 20 triệu đồng/người/năm đạt trên 45%.

Đẩy mạnh kêu gọi các tầng lớp nhân dân tương thân tương ái giúp đỡ cho đối tượng còn gặp nhiều khó khăn như người già yếu, neo đơn, người khuyết tật... ngoài chính sách hỗ trợ chung của nhà nước theo quy định, góp phần xóa đói giảm nghèo ở huyện. Tiếp tục quan tâm chăm lo đúng mức đời sống vật chất và tinh thần đối với người và gia đình có công cách mạng, tiếp tục phát động phong trào Đền ơn đáp nghĩa, phát triển Quỹ Đền ơn đáp nghĩa để chăm lo tốt hơn về đời sống, nhà ở, việc làm cho người có công, phong trào vận động vì người nghèo để có điều kiện chăm lo cho các đối tượng khó khăn cơ nhỡ trên địa bàn.

2.4. Quốc phòng an ninh:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quốc phòng an ninh. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường lãnh đạo công tác xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng lực lượng, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân. Phát triển kinh tế kết hợp với giữ vững quốc phòng - an ninh. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân kiên định về tư tưởng, vững vàng về tổ chức, trung thành tuyệt đối với Đảng và chế độ, có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, có trình độ, năng lực cao; chủ động đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Nghiên cứu và tiếp tục chủ động phối hợp, hợp đồng chiến đấu với các địa phương giáp ranh nhằm tăng cường bảo vệ vững chắc địa bàn.

2.5. Cải cách hành chính - xây dựng chính quyền:

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cải cách hành chính; hoàn thành việc thực hiện Đề án 30 về cải cách thủ tục hành chính. Triển khai thực hiện Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại các phòng, ban thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng điều hành, thực hiện công vụ và giáo dục đạo đức, phẩm chất chính trị cho công chức. Tiếp tục triển khai và thực hiện việc tổng kết thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện.

Đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, tăng cường dân chủ, nâng cao chất lượng công tác cán bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế sắp xếp và bổ nhiệm nhân sự theo hướng nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường giáo dục, tuyên truyền pháp luật trong nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân tham gia giám sát hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân, hạn chế thấp nhất các trường hợp tồn đọng, kéo dài, khiếu kiện vượt cấp, khiếu kiện đông người gây mất ổn định chính trị - xã hội ở địa phương.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CÁC GIẢI PHÁP LỚN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN 5 NĂM 2011 - 2015:

Giai đoạn 2011 - 2015 dự báo Cần Giờ sẽ có những bước phát triển mạnh hơn so với giai đoạn trước, do hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được đầu

tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng, đặc biệt là đường Rừng Sác hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2010 sẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ phát triển lên một tầm vóc mới. Để thực hiện thành công những mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm sắp tới, cần triển khai thực hiện các giải pháp sau:

1. Giải pháp tổng thể:

1.1. Tận dụng mọi cơ hội và khai thác các nguồn lực có thể có, bao gồm các nguồn lực tại chỗ và nguồn lực từ bên ngoài, các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách và ngoài ngân sách, những tiềm năng và lợi thế so sánh của huyện để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

1.2. Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình trọng điểm và đầu tư dứt điểm các hạng mục công trình còn tồn đọng trong giai đoạn 2006 - 2010.

1.3. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các chương trình và công trình mang tính đột phá giai đoạn 2011 - 2015, nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ, tạo tiền đề giai đoạn sau năm 2015 khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của huyện.

1.4. Tập trung, phát huy các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực ngang tầm với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới khi đường Rừng Sác phát huy tác dụng.

2. Giải pháp cụ thể:

2.1. Giải pháp về thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Xây dựng và thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ kết cấu hạ tầng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện, bao gồm:

Xây dựng và đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc biệt cho huyện Cần Giờ phát huy vai trò chủ lực trong thực hiện chiến lược biển của thành phố, trong đó bao gồm chính sách khai thác quỹ đất, sử dụng có hiệu quả vào mục tiêu đầu tư hoàn thiện hạ tầng trọng yếu, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển năng lực sản xuất - kinh doanh.

Khuyến khích đầu tư phát triển các vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản, dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao, các sản phẩm du lịch đặc trưng của Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ, hạ tầng giao thông phục vụ khai thác cảnh quan môi trường du lịch, khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, du lịch nhà

vườn và các mô hình sản xuất sử dụng lao động phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của huyện.

Tạo điều kiện về đất đai, hạ tầng giao thông để phát triển sản xuất, phát triển mở rộng thị trường hàng hóa, tài chính - tín dụng trên địa bàn đáp ứng nhu cầu phát triển. Công khai thủ tục hành chính tạo môi trường đầu tư thân thiện nhằm khai thác mạnh mẽ nguồn lực đầu tư của các thành phần kinh tế.

Thực hiện các giải pháp đồng bộ về đầu tư hạ tầng, phát triển sản xuất, chăm lo đời sống xã hội theo chương trình nông nghiệp - nông dân - nông thôn, trong đó tập trung xây dựng xã nông thôn mới Lý Nhơn, qua đó tạo điều kiện để thực hiện cho các xã còn lại.

2.2. Giải pháp về quy hoạch:

Xây dựng hoàn thiện và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch tổng thể phát triển toàn diện kinh tế - xã hội; quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ; quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất huyện, xã, thị trấn; quy hoạch xã nông thôn mới; quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

Điều chỉnh và nâng cao hiệu quả thực hiện các quy hoạch vùng nuôi thủy sản; quy hoạch hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản; quy hoạch vùng sản xuất muối tập trung; quy hoạch phát triển khu du lịch sinh thái huyện Cần Giờ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, cho phù hợp với quy hoạch chung và tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện trong thời gian tới.

Nghiên cứu quy hoạch làng nghề nuôi chim yến sau Đề án thí điểm thành công tại xã Tam Thôn Hiệp; quy hoạch làng nghề muối tại xã Lý Nhơn, làng nghề cá tại xã Thạnh An và quy hoạch mặt nước sông, rạch, bãi bồi để nuôi trồng thủy sản. Nghiên cứu lập Đề án thí điểm mô hình Khu nuôi trồng thủy sản kỹ thuật cao (30 - 50ha) tại vùng chuyên canh nuôi thủy sản các xã phía Bắc Cần Giờ, để có thể đánh giá, định hướng phát triển nghề nuôi thủy sản thành vùng sản xuất chuyên canh trong tương lai.

Trên cơ sở quy hoạch chung, khẩn trương hoàn thành quy hoạch tổng thể dãy đất Cần Thạnh - Long Hoà và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 các khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn, công bố rộng rãi giúp nhân dân và các thành phần kinh tế tìm hiểu, quyết định thực hiện đầu tư theo quy hoạch.

2.3. Giải pháp về huy động và cân đối các nguồn lực đầu tư:

Trong 5 năm 2011 - 2015, tổng mức đầu tư toàn xã hội trên địa bàn huyện dự kiến khoảng 15.280 tỷ đồng. Nguồn vốn và cơ chế huy động vốn được thực hiện như sau:

2.3.1. Về phân nguồn đầu tư:

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước: 6.872 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 45%, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương và thành phố: chiếm tỷ trọng 99,15%;

+ Vốn ngân sách huyện: chiếm tỷ trọng 0,85%.

Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước: 8.408 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 55%.

2.3.2. Về phân kỳ đầu tư:

Năm 2011: 2.451,227 tỷ đồng.

Năm 2012 : 2.457,789 tỷ đồng.

Năm 2013: 2.500,547 tỷ đồng.

Năm 2014: 3.250,712 tỷ đồng.

Năm 2015: 4.598,885 tỷ đồng.

2.3.3. Cơ chế sử dụng vốn đầu tư:

Vốn ngân sách nhà nước: tập trung cho công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, đầu tư vào các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội trọng điểm, gồm: hệ thống giao thông, cấp thoát nước, thủy lợi, các công trình trường học, y tế, văn hóa, thể dục thể thao...

Vốn ngành dọc và vốn viện trợ, huy động: tập trung đầu tư vào các công trình phát triển hệ thống lưới điện, bưu chính - viễn thông; các dự án phát triển thương mại, dịch vụ du lịch sinh thái, phát triển hạ tầng nội bộ và xây dựng nhà ở các khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn, các công trình phúc lợi xã hội phi lợi nhuận, các công trình nâng cấp đường giao thông nội bộ trong các khu dân cư, các dự án đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể dục thể thao, phục vụ đời sống, sức khỏe mang tính chất kinh doanh theo cơ chế xã hội hóa.

Vốn vay và vốn khác: tập trung đầu tư phát triển nâng cao năng lực sản xuất thủy sản và kinh doanh dịch vụ, du lịch sinh thái.

2.3.4. Cơ chế huy động vốn đầu tư:

Để đạt được tốc độ tăng trưởng đề ra, nhu cầu vốn đầu tư trong 5 năm tới là rất lớn, đặc biệt là nhu cầu đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước sẽ tăng lên do đáp

ứng nhu cầu ngày càng lớn về phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Do đó, huyện cần khai thác có hiệu quả các nguồn thu còn nhiều tiềm năng, chủ động đề xuất thành phố bán đấu giá để giao quyền sử dụng đất đối với những khu đất do nhà nước trực tiếp quản lý có giá trị cao và có quy hoạch sử dụng chi tiết. Chủ trương mở rộng bán đấu giá quyền sử dụng đất sẽ tạo một nguồn thu lớn cho ngân sách, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Đối với các nguồn vốn huy động từ các thành phần kinh tế, chủ yếu là phát triển năng lực sản xuất kinh doanh, hạ tầng du lịch, phát triển nhà ở, các dịch vụ xã hội hóa... Để huy động đạt kết quả cao nhất các nguồn vốn này, cần chú trọng thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính trong quản lý đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư như: hoàn thiện và nâng cao hiệu quả “cơ chế một cửa” trong đầu tư tại Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện kể cả các dự án đầu tư bằng vốn ngân sách và ngoài ngân sách trên địa bàn; cải thiện hệ thống chính sách về ưu đãi đầu tư; có cơ chế thuận lợi về sử dụng đất; sự thân thiện và quan tâm đúng mức của chính quyền các cấp và sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân trên địa bàn đối với các dự án đầu tư.

2.3.5. Về quản lý đầu tư: Tập trung nâng cao năng lực quản lý, điều hành để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ đầu tư trong 5 năm tới, cụ thể:

Tăng cường công tác kế hoạch hóa trong đầu tư xây dựng trên địa bàn theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đồng thời chủ động dự báo tình hình và yêu cầu đầu tư; chú trọng cân đối và điều hòa vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và đạt hiệu quả cao.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành và triển khai dự án đầu tư của các cơ quan chuyên môn; tăng cường công tác giám sát đầu tư nhà nước, giám sát cộng đồng nhằm đảm bảo sự tuân thủ theo quy định trong lĩnh vực đầu tư và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục củng cố và phát huy kết quả thực hiện quy trình “một cửa” trong quản lý các dự án đầu tư từ vốn ngân sách và ngoài ngân sách. Đây mạnh công tác xúc tiến đầu tư, nâng cao chất lượng công tác đền bù giải phóng mặt bằng nhằm thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư theo quy hoạch.

2.4. Giải pháp về triển khai thực hiện các chương trình và công trình đột phá giai đoạn 2011 - 2015:

Bên cạnh việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chương trình, công trình trọng điểm do Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX đề ra phù hợp với tình hình thực tế của Huyện, xây dựng Chương trình hành động tập trung lãnh đạo và

thực hiện đạt kết quả 3 chương trình trọng điểm và 7 công trình mang tính đột phá của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X ngay trong năm 2010, trong đó phải hoàn thiện ngay các cơ sở định hướng, chủ trương và chính sách để xây dựng hệ thống giải pháp cơ chế chính sách, huy động nguồn lực, biện pháp tổ chức thực hiện để đạt mục tiêu và tiến độ hoàn thành các chương trình và công trình. Cụ thể:

*** Thực hiện 3 chương trình trọng điểm:**

1. Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế;
2. Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020;
3. Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ.

*** Thực hiện 7 công trình mang tính đột phá:**

1. Công trình đường ống dẫn nước sạch Nhà Bè - Cần Giờ và đường ống nhánh kết nối đến trung tâm các xã, thị trấn.
2. Công trình xây dựng tuyến đường Lâm Viên - Đồng Đình, bến tàu du lịch, đường Lương Văn Nho (giai đoạn 2) và đường song hành.
3. Công trình di dời một phần và sắp xếp lại dân cư xã Thạnh An
4. Công trình nâng cấp tuyến đê biển, đê sông ứng phó với biến đổi khí hậu.
5. Công trình xây dựng mới Bệnh viện Cần Giờ (quy mô 200 giường).
6. Công trình Khu Di tích lịch sử căn cứ kháng chiến Rừng Sác, Khu di chỉ khảo cổ Giồng Cá Vồ.
7. Công trình 50% trường đạt chuẩn Quốc gia vào năm 2015.

2.5. Giải pháp chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội:

Tập trung huy động tổng hợp các nguồn lực của xã hội chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội trên địa bàn trong 5 năm tới, trong đó chú trọng các giải pháp: Đề xuất chính sách đào tạo nguồn nhân lực nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với giải quyết việc làm ổn định, giảm hộ nghèo, tăng hộ khá; động viên vai trò của cộng đồng, gia đình cùng phát triển sự nghiệp giáo dục địa phương; đề xuất cơ chế, chính sách từng bước đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, dạy nghề, môi trường để huy động mọi nguồn lực chăm lo an sinh xã hội ngày một tốt hơn.

Xây dựng lộ trình, nội dung thực hiện cuộc vận động toàn xã hội xây dựng huyện Cần Giờ thành khu du lịch sinh thái xanh - đẹp - văn minh - thân thiện - an toàn trong tương lai, trong đó chú trọng các giải pháp như: xây dựng và tuyên truyền vận động giáo dục thực hiện các tiêu chí về văn hóa ứng xử trong cộng đồng; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn dân về bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường sống; Bảo tồn và quảng bá các hoạt động lao động sản xuất, sinh hoạt đặc trưng của cư dân vùng biển, về truyền thống anh hùng cách mạng, về các di tích, di chỉ văn hóa lịch sử cấp quốc gia, cấp thành phố đã được công nhận trên địa bàn huyện.

2.6. Giải pháp nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước: Tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng bộ máy hành chính trên cả 3 phương diện: cán bộ, tổ chức bộ máy và thủ tục hành chính.

Về công tác cán bộ: Tiêu chuẩn hóa các chức danh cán bộ, phát hiện nhân tài, bồi dưỡng, đào tạo một cách chủ động cơ bản và toàn diện đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp; sử dụng và quản lý cán bộ căn cứ vào hiệu quả công việc thực tế; chú trọng tăng cường, bổ sung cán bộ trẻ có trình độ, năng lực cho Chính quyền huyện, xã, thị trấn; thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ để tạo động lực mới; tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức; kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy hành chính những cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, tiêu cực, tham nhũng.

Về tổ chức bộ máy: Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hợp lý từ cấp huyện đến cấp xã - thị trấn; tăng cường ủy quyền, phân cấp cho các phòng, ban, các xã - thị trấn theo thẩm quyền nhằm tạo sự liên thông và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong quản lý hành chính Nhà nước.

Về cải cách hành chính: Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch, phục vụ và chi phí thấp; Cải tiến lề lối làm việc đảm bảo hiệu quả và thiết thực, theo đó cán bộ lãnh đạo, quản lý phải tăng cường đi cơ sở, bám sát thực tiễn, giảm thời gian hội họp, giảm các hoạt động mang tính hình thức, không đem lại hiệu quả thiết thực.

2.7. Giải pháp chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện:

Trên cơ sở Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện 5 năm 2011 - 2015, ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện 5 năm 2011 - 2015 và Quyết định thành lập Ban Điều hành các Chương trình trọng điểm, Tổ giúp việc thực hiện 7 công trình mang tính đột phá. Đồng thời, tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện 5 năm 2011 - 2015 đến các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và toàn thể cán bộ, công chức.

Hàng năm, xây dựng các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên tinh thần tăng tốc, đảm bảo phù hợp với tình hình và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X; xây dựng Kế hoạch phân công, bản tiến độ, thời gian thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng năm để Thường trực Ủy ban nhân dân huyện theo dõi, đánh giá, chỉ đạo điều hành đối với các đơn vị được phân công chủ trì, các đơn vị phối hợp trong việc triển khai thực hiện các chương trình, nội dung trọng tâm.

Thủ trưởng các cơ quan được giao chủ trì và các đơn vị phối hợp, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm phân công nhiệm vụ, lãnh đạo cán bộ, công chức, viên chức triển khai thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch được phân công; Hàng tháng, có báo cáo kết quả triển khai thực hiện cho Thường trực Ủy ban nhân dân huyện để kịp thời chỉ đạo giải quyết.

Định kỳ hàng quý, Thường trực Ủy ban nhân dân huyện tổ chức làm việc với Thủ trưởng các phòng, ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch nhằm đảm bảo đúng tiến độ và nội dung được phân công.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2011/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 13 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế về quản lý hoạt động
của các cơ sở tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành Quy chế tổ chức lễ hội;

Xét đề nghị của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Cần Giờ tại Tờ trình số 01/TTr.VH-TT ngày 07 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa của huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đoàn Văn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về quản lý hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn huyện, bao gồm: đình, đền, miếu, lăng, từ đường, nhà thờ họ, những cơ sở tín ngưỡng không có giáo lý, chức sắc, những công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Quy chế này quy định về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị của các cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa trong phạm vi địa giới hành chính huyện, quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, các ban ngành và Ủy ban nhân dân của các xã, thị trấn đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị của các cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

Nhà nước thống nhất quản lý di sản văn hóa thuộc sở hữu toàn dân, công nhận và bảo vệ các hình thức sở hữu tập thể, sở hữu chung của cộng đồng, sở hữu cá nhân và các hình thức sở hữu khác theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quyền quản lý Nhà nước đối với các cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện theo sự phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

Hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện phải chấp hành nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chương 2

CHỨC NĂNG VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN, DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA

Điều 3. Chức năng

Góp phần bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, đạo đức xã hội và phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc.

Cơ sở tín ngưỡng được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa còn là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa tinh thần mà thế hệ cha ông đã xây dựng nên, tạo điều kiện cho thế hệ sau kế thừa những nền văn hóa lịch sử tốt đẹp đó, giúp cho khách tham quan tìm hiểu lịch sử các giá trị văn hóa lâu đời, các công trình kiến trúc nghệ thuật, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân trên địa bàn huyện.

Điều 4. Nghĩa vụ

Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về hoạt động tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa. Không được lợi dụng tín ngưỡng để hoạt động chống lại Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, gây mất trật tự, an ninh, tuyên truyền chia rẽ đoàn kết dân tộc.

Xây dựng nếp sống văn minh trong sinh hoạt tín ngưỡng, không tổ chức hay tạo điều kiện cho các hoạt động cờ bạc, mê tín dị đoan, phục hồi các hủ tục trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Giữ gìn an ninh, trật tự, phòng, chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, mỹ quan nơi cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa. Không được tự ý bố trí người cư ngụ hoặc mua bán trong cơ sở tín ngưỡng, di tích khi chưa có sự chấp thuận của chính quyền địa phương.

Giữ gìn đoàn kết nội bộ cơ sở tín ngưỡng, tích cực tham gia các phong trào văn hóa - xã hội do địa phương phát động. Người tham gia hoạt động tín ngưỡng phải tôn trọng quy định của cơ sở tín ngưỡng, của lễ hội và quy ước của cộng đồng.

Làm tốt việc bảo quản, giữ gìn và trùng tu cơ sở vật chất hiện có để phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng và nhu cầu tham quan du lịch. Đối với những cơ sở đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và những cơ sở nằm trong danh sách chờ xếp hạng thì thực hiện việc bảo quản, tôn tạo, tu bổ cơ sở theo Luật Di sản văn hóa; tuân thủ các quy định của Nhà nước về xây dựng, sửa chữa.

Bảo quản chặt chẽ di tích lịch sử - văn hóa và di chỉ khảo cổ học, nghiêm cấm việc khai thác, sử dụng khi chưa có sự cho phép của chính quyền các cấp, các ngành chức năng. Khi có sự cố tại các cơ sở di tích lịch sử - văn hóa, di chỉ khảo cổ, phải báo cáo kịp thời cho chính quyền địa phương gần nhất để có biện pháp xử lý, ngăn chặn kịp thời.

Việc tổ chức lễ hội: (thực hiện theo Quyết định số 39/2001/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin về ban hành Quy chế lễ hội).

Điều 5. Cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa có các quyền sau:

Được thông tin về những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những quy định, hướng dẫn của cơ quan chức năng đối với hoạt động tín ngưỡng.

Thông qua sự hướng dẫn của cơ quan Nhà nước (Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc), cơ sở tín ngưỡng dân gian được quyền tổ chức hội nghị nội bộ, bầu ban quý tế để điều hành hoạt động và có trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của cơ sở. Ban quý tế của các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa cấp thành phố và cấp quốc gia phải chịu trách nhiệm quản lý di tích theo đúng quy định của pháp luật. Xem xét bổ sung nội dung về việc thông báo, đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền công nhận tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở tín ngưỡng (Ủy ban nhân dân huyện công nhận đối với các cơ sở được xếp hạng di tích, Ủy ban nhân dân xã/thị trấn công nhận đối với các cơ sở chưa được xếp hạng).

Được phép sửa chữa, tôn tạo cơ sở tín ngưỡng khi xuống cấp, hay bị hư hỏng. Nếu sửa chữa nhỏ không thay đổi kết cấu, kiến trúc, thì thông báo đến Ủy ban nhân dân xã. Nếu sửa chữa lớn có thay đổi kết cấu, kiến trúc thì xin giấy phép xây dựng của Sở Xây dựng theo Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về cấp phép xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh. Nếu là di tích lịch sử - văn hóa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xếp hạng thì phải được cơ quan quản lý văn hóa có thẩm quyền thẩm định và có ý kiến.

Đề nghị chính quyền địa phương hỗ trợ giữ gìn an ninh trật tự xung quanh khu vực cơ sở di tích lịch sử - văn hóa khi cần thiết.

Được tổ chức hoạt động tín ngưỡng, tổ chức các lễ hội tại cơ sở theo đúng nội dung quy chế lễ hội đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

Chương 3

TRÁCH NHIỆM VÀ THẨM QUYỀN QUẢN LÝ

Điều 6. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với các cơ sở tín ngưỡng dân gian, các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện.

Phổ biến những chủ trương, chính sách của Nhà nước, các quy định của ngành về hoạt động tín ngưỡng, hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng dân gian trên địa bàn xây dựng nếp sống văn minh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Hướng dẫn các di tích lịch sử - văn hóa làm tốt việc giữ gìn các cổ vật, bảo quản và tu bổ di tích theo quy định pháp luật.

Tiếp nhận các đơn xin phép tổ chức lễ hội của các cơ sở tín ngưỡng dân gian, thẩm định nội dung chương trình và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận việc tổ chức lễ hội.

Kết hợp với ban tổ chức lễ hội của các cơ sở tín ngưỡng dân gian hỗ trợ, tạo điều kiện giúp đỡ để thực hiện tốt lễ hội.

Kiểm tra, đề xuất xử lý vi phạm hành chính đối với những cơ sở tín ngưỡng dân gian không chấp hành các quy định của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa và tổ chức lễ hội.

Phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn về nghiệp vụ chuyên môn giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng.

Phối hợp Phòng Nội vụ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng dân gian và cơ sở di tích lịch sử - văn hóa về nội dung và nhân sự cho hội nghị bầu ban quý tế, xem xét bổ sung: trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định công nhận kết quả bầu cử tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở tín ngưỡng. Xây dựng quy ước hoạt động cho các cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa và trình Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định công nhận.

Điều 7. Phòng Nội vụ

Phối hợp cùng Phòng Văn hóa và Thông tin, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện để các cơ sở tín ngưỡng thực hiện đúng theo quy định của Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 8. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quản lý hành chính đối với các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn, được Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền ra quyết định công nhận Ban quý tế tại các cơ sở tín ngưỡng không đủ điều kiện xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa sau khi đã tham khảo ý kiến của Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện.

Phối hợp với các cơ quan chức năng của huyện hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng; giải quyết những kiến nghị và những vấn đề phát sinh từ cơ sở tín ngưỡng trong phạm vi thẩm quyền của mình; báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện biện pháp và kết quả giải quyết.

Có trách nhiệm hỗ trợ việc giữ gìn an ninh trật tự, cảnh quan nơi cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn các xã, thị trấn quản lý khi có yêu cầu.

Điều 9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Phối hợp, hỗ trợ chính quyền huyện, xã, thị trấn hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng thực hiện đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng.

Hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng dân gian hoạt động theo đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn hướng dẫn về nội dung và nhân sự cho hội nghị bầu Ban quý tế ở các cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa.

Chương 4

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin, phối hợp Phòng Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai nội dung Quy chế này đến tất cả các cơ sở tín ngưỡng dân gian, di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn. Đồng thời theo dõi, tổng hợp tình hình và tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo kịp thời các hoạt động trên lĩnh vực này.

Điều 11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong sinh hoạt tín ngưỡng, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Điều 12. Quy chế được phổ biến trong nhân dân và tất cả các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn huyện. Tổ chức, hay các cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế, tùy theo mức độ sẽ có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiếp tục nghiên cứu sửa đổi hoặc bổ sung cho phù hợp với tình hình, đặc điểm và quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Đoàn Văn Thanh

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng